



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES J.S.C

Trụ sở: Tầng 3 - Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn,
Số 1 Phố Yên Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04.38 181 888 / Fax: 04.38 181 688 / Website: www.shs.com.vn

Bình cũ hình giá trị

I U L
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

M C L C

PH N M	U	3
CH NG I	– QUY NH CHUNG	3
i u 1.	Gi i thích thu t ng	3
i u 2.	Hình th c, tên g i, tr s và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty	5
i u 3.	Th i h n ho t ng c a Công ty	6
CH NG II	– M C TIÊU, N I DUNG HO T NG	6
i u 4.	L nh v c kinh doanh	6
i u 5.	M c tiêu ho t ng	6
i u 6.	Ph m vi ho t ng kinh doanh	6
i u 7.	Nguyên t c ho t ng	7
i u 8.	Quy n h n và ngh a v c a Công ty	7
i u 9.	Các quy nh h n ch	9
i u 10.	Các quy nh v b o m t thông tin	10
i u 11.	Quy t c o c ngh nghi p	11
CH NG III	– V N I U L , C ÔNG SÁNG L P, C PH N, C PHI U	11
i u 12.	V n i u l c a Công ty	11
i u 13.	C ông sáng l p c a Công ty	11
i u 14.	Thay i v n i u l	12
i u 15.	C ph n c a Công ty	12
i u 16.	Chào bán c ph n	13
i u 17.	Mua l i c ph n	13
i u 18.	Thu h i c ph n	15
i u 19.	Chuy n nh ng c ph n	15
i u 20.	Ch ng ch c phi u	15
i u 21.	Ch ng ch ch ng khoán khác	16
i u 22.	S ng ký C ông	16
CH NG IV	– C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M TOÁN	17
i u 23.	C c ut ch c qu n lý	17
M c 1	- C ông, i h i ng C ông	18
i u 24.	C ông c a Công ty	18
i u 25.	Quy n c a C ông	18
i u 26.	Quy n kh i ki n i v i thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c	19
i u 27.	Ngh a v c a C ông	20
i u 28.	i h i ng C ông	20
i u 29.	Quy n h n và nhi m v c a i h i ng C ông	21
i u 30.	Th m quy n tri ut p i h i ng C ông	22
i u 31.	Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng C ông	23
i u 32.	Quy n d h p i h i ng C ông	24
i u 33.	Các i u ki n t i n hành h p i h i ng C ông	25
i u 34.	Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng C ông	26
i u 35.	Thông qua quy t nh c a i h i ng C ông	27
i u 36.	Th m quy n và th th c l y ý ki n C ông b ng v n b n	29
i u 37.	Biên b nh p i h i ng C ông	30
i u 38.	Hu b quy t nh c a i h i ng C ông	31
M c 2	- H i ng Qu n tr	31
i u 39.	S l ng, nhi m k và nguyên t c c , ng c H i ng Qu n tr	31
i u 40.	Quy n h n và nhi m v c a H i ng Qu n tr	33
i u 41.	Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng Qu n tr	35
i u 42.	Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng Qu n tr	36
i u 43.	Quy n h n và nhi m v c a thành viên H i ng Qu n tr	37
i u 44.	Thù lao và l í ích c a thành viên H i ng Qu n tr	37
i u 45.	Các cu ch p c a H i ng Qu n tr	38
i u 46.	Thay th thành viên H i ng Qu n tr	42
i u 47.	Ban th ký H i ng Qu n tr	43
i u 48.	B ph n Ki m toán n i b và Qu n tr r i ro c a H i ng Qu n tr	43
M c 3	- T ng Giám c và Cán b qu n lý khác	44
i u 49.	T ch c b máy qu n lý	44

i u 50.	Cán b qu n lý	45
i u 51.	T ng Giám c	45
i u 52.	Quy n h n và nhi m v c a T ng Giám c	46
i u 53.	B nhi m, bãi nhi m, mi n nhi m T ng Giám c	47
i u 54.	Thù lao c a T ng Giám c và các thành viên khác trong Ban i u hành	48
i u 55.	B ph n Ki m soát n i b và Qu n tr r i ro tr c thu c Ban T ng Giám c	48
M c 4 – Ban Ki m soát		49
i u 56.	S l ng, nhi m k , nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát	49
i u 57.	Quy n h n và nhi m v c a Ban Ki m soát	50
i u 58.	Quy n h n và nhi m v c a Tr ng Ban Ki m soát, thành viên Ban Ki m soát	52
i u 59.	Quy n c cung c p thông tin c a Ban Ki m soát	53
i u 60.	Thay th thành viên Ban Ki m soát	53
i u 61.	Các cu c h p Ban Ki m soát	54
i u 62.	Thù lao và l i ích c a thành viên Ban Ki m soát	56
M c 5 - Ngh a v c a các TV H QT, BKS, TG và các thành viên Ban i u hành Công ty		56
i u 63.	Trách nhi m c n tr ng	56
i u 64.	Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	56
i u 65.	Công khai các l i ích có liên quan	58
i u 66.	Trách nhi m v thi th i và b i th ng	58
i u 67.	Các h p ng, giao d ch ph i c H C , H i ng Qu n tr ch p thu n	59
M c 6 - Quy n i u tra s sách và h s c a Công ty		60
i u 68.	Quy n i u tra s sách và h s	60
M c 7 - Ng i lao ng và công oàn		60
i u 69.	Ng i lao ng và công oàn	60
CH NG V – C CH TÀI CHÍNH		60
M c 1 - H th ng k toán và n m tài chính		60
i u 70.	H th ng k toán	60
i u 71.	N m tài chính	61
i u 72.	Tài kho n ngân hàng	61
M c 2 - Con d u và ki m toán		61
i u 73.	Con d u	61
i u 74.	Ki m toán	61
i u 75.	H th ng Ki m soát n i b	62
M c 3 - S d ng v n và phân chia l i nhu n		62
i u 76.	S d ng v n	62
i u 77.	Trích l p các Qu	62
i u 78.	C t c	63
i u 79.	X lý l trong kinh doanh	64
i u 80.	Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n	64
CH NG VI – BÁO CÁO VÀ CÔNG B THÔNG TIN		64
i u 81.	Các Báo cáo c a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i	64
i u 82.	Công b thông tin và thông báo ra công chúng	65
CH NG VII – T CH CL I, GI I TH VÀ PHÁ S N CÔNG TY		65
i u 83.	T ch c l i	65
i u 84.	Ch m d t ho t ng và gi i th Công ty	65
i u 85.	Thanh lý Công ty	66
i u 86.	Phá s n Công ty	66
i u 87.	Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng Qu n tr và C ông	66
CH NG VIII – GI I QUY T TRANH CH P N I B		67
i u 88.	Gi i quy t tranh ch p n i b	68
CH NG IX – I U KHO N THI HÀNH		69
i u 89.	B sung và s a i i u l	69
i u 90.	Ngày hi u l c	69
PH L C THÔNG TIN C SL VÀ CHI TI TV N I UL CÔNG TY		71

PHỤ LỤC

Điểm 1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội căn cứ dựa trên các quy định sau:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ mua bán hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty niêm yết;
- Điều lệ mua bán hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.
- Các quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội - thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007 và các Giấy phép niêm yết, bổ sung.

Điều lệ này sửa đổi, bổ sung thi hành quy định số 01-2012/NQ-HC ngày 06/4/2012 của Hội đồng Công ty niên 2012 và Quyết định số 21-2014/Q-HQT ngày 17/4/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điểm 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này, thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:

- a) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này từ ngày thi hành.
- b) **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này từ ngày thi hành.
- c) **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác của các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo thẩm quyền liên quan đến thành lập và hoạt động của Công ty, bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.

- d) "**V n i u l**" là tổng giá trị mệnh giá số phiếu đã phát hành mà các công đã thanh toán và ghi vào i u l này.
- e) "**V n pháp nh**" là vốn thi u theo yêu cầu pháp luật Công ty thành lập và hoạt động.
- f) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty Công lập Ngân sách Sài Gòn – Hà Nội được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- g) "**Ng i qu n lý**" bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ làm cán bộ quản lý của Công ty.
- h) "**Ng i có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Ngân sách và Luật Doanh nghiệp;
- i) "**Ng i hành ngh ch ng khoán**" là người có Chức vụ hành nghề chứng khoán, làm việc tại các bộ phận môi giới chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, bộ phận phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán và có ký kết hợp đồng lao động với công ty chứng khoán.
- j) "**C t c**" là khoản lãi như nòng cốt hàng năm cho mỗi công lập ngân quỹ năm trước hoặc tài sản khác.
- k) "**C ông**" là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước đăng ký hợp pháp của Công ty và ghi tên trong Sổ đăng ký Công của Công ty.
- l) "**C ông sáng lập**" là Công đồng tham gia vào việc thông qua i u l ưu tiên của Công ty.
- m) "**C ông l n**" là Công đồng hoặc nhóm Công đồng chịu trách nhiệm giám sát và quản lý (05) phần trăm trở lên tổng số công lập của Công ty.
- n) "**C ph n**" là V n i u l được chia thành các phần bằng nhau.
- o) "**C phi u**" là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ của công lập của Công ty. Công phi u của Công ty có thể là công phi u ghi tên hay không ghi tên theo quy định của pháp luật.
- p) "**S ng ký C ông**" là mặt tài liệu bản gốc, d li u i n t hoặc hai. Sổ đăng ký Công phi u có các nội dung chi u theo quy định của pháp luật.
- q) "**Th i h n ho t ng**" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong i u l này và thời gian gia hạn (nếu có) của Hội đồng Công của Công ty thông qua bản Nghị quyết.
- r) "**Vi t Nam**" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- s) "**UBCKNN**" có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- t) "**SGDCK**" có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán.
- u) "**TTGDCK**" có nghĩa là Trung tâm giao dịch Chứng khoán.
- v) "**Công ty**" là Công ty Công lập Ngân sách Sài Gòn - Hà Nội.
2. Trong i u l này, việc tham chiếu tới bất kỳ quy định hoặc văn bản pháp luật khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chức vụ, Mệnh giá) tại i u l này được đưa vào chứng từ liên hệ

cho việc theo dõi và không nhận được tín hiệu bất thường này.

4. Các thông tin thu được từ các nghiên cứu trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán có nghĩa là tín hiệu trong điều này không mâu thuẫn với bất kỳ thông tin nào.

Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở và nơi cư trú theo pháp luật của Công ty

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật này và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Tên của Công ty:
 - a) Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**
 - b) Tên tiếng Anh: **Sai Gon – Ha Noi Securities Joint Stock Company**
 - c) Tên viết tắt: **SHS**
3. Trụ sở Công ty:
 - a) Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Phố Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Điện thoại: (84.4) 38 181 888
 - Fax: (84.4) 38 181 688
 - E-mail: contact@shs.com.vn
 - Website: www.shs.com.vn
 - b) Việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty do sự thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh và phi công ty ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Nơi cư trú theo pháp luật:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người cư trú theo pháp luật của Công ty.
 - b) Người cư trú theo pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật này phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi (30) ngày thì phải quy định nơi vắng mặt cho người khác theo quy định của pháp luật hiện hành các quy định và nghĩa vụ của Người cư trú theo pháp luật của Công ty;
 - c) Trường hợp hết thời hạn quy định mà Người cư trú theo pháp luật của Công ty tại Việt Nam và không có quy định khác thì người cư trú vắng mặt phải quy định nơi cư trú khác cho mình khi Người cư trú theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho mình khi Hội đồng Quản trị quyết định người khác làm Người cư trú theo pháp luật của Công ty.
 - d) Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không quy định khác thì người cư trú vắng mặt và nghĩa vụ của Người cư trú theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng Quản trị quyết định người khác làm người cư trú theo pháp luật của Công ty.
 - e) Trường hợp Tổng Giám đốc là Người cư trú theo pháp luật bất kỳ quốc gia, tổ chức, đơn vị nước ngoài, bộ môn hoặc đơn vị dân sự, Bộ Tòa án quyết định hành nghề hoặc sau khi mình nhậm chức mà Công ty chưa bổ nhiệm người cư trú

Giám đốc mới thì tự nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đi đi n theo pháp luật của Công ty cho nên khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh trên.

5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng đi đi n, Phòng giao dịch tại bàn kinh doanh theo quy định của Hội đồng Quản trị sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Thi hành hoạt động của Công ty

Trừ khi chủ đề hoạt động trực tiếp khác theo Điều 84 thì Điều này, thi hành hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

CHƯƠNG II MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh

1. Công ty tham gia các hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm các hoạt động sau:
 - a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tư vấn kinh doanh chứng khoán;
 - c) Báo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - e) Lưu ký chứng khoán;
 - f) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung mục tiêu kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều này theo quy định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Kinh doanh mang lợi ích cao nhất cho Công đồng trong khuôn khổ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phát triển bền vững lâu dài, hình thành và phát triển khu vực và thị trường trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, mang lợi ích cho các Công đồng, người lao động và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.
2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 1, Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm miễn phí theo quy định của Hội đồng Quản trị và phí dịch vụ thu nhập bình quân của UBCKNN.
3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo pháp luật cho phép và chính sách của Công ty phê duyệt.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động

Công ty hoạt động và kinh doanh tuân thủ các nguyên tắc:

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm chính và trung thực trong kinh doanh mặt cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tận tâm;
5. Đảm bảo nguyên tắc vì công chúng, vì lợi ích và các lợi ích khác của thị trường chứng khoán kinh doanh chứng khoán và ban hành bình quân các quy trình trung thực nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chính xác và minh bạch phù hợp với khách hàng trên cơ sở nguyên tắc thu thập thông tin về khách hàng;
7. Cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của khách hàng;
8. Trung thực không có to ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh khỏi, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ công bằng với khách hàng;
9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với quy định của Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.
10. Bảo vệ quyền lợi hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Nghiệp vụ hành nghề chứng khoán trung thực nghiệp vụ hoạt động kinh doanh không có nghĩa vụ trung thực nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
11. Đảm bảo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán chỉ dựa trên các thông tin truy cập thông minh ghi rõ các phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 8. Quy định và nghĩa vụ của Công ty

1. Quy định của Công ty:

- a) Ký hợp đồng bình quân với khách hàng về giao dịch chứng khoán, ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- b) Trung thực thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- c) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- d) Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quy định của công đoàn theo quy định của pháp luật;

- e) S h u, s d ng, nh o t tài s n c a Công ty;
- f) Qu n lý, s d ng v n do các C ông góp th c hi n các m c tiêu, nhi m v kinh doanh c a Công ty theo quy nh t i i u l này; Ngh quy t c a i h i ng C ông; Ngh quy t, Quy t nh c a H i ng Qu n tr và pháp lu t hi n hành;
- g) Ch ng trong m i ho t ng kinh doanh ã ng ký;
- h) i m i công ngh , áp d ng ph ng th c qu n lý khoa h c, hi n i nâng cao hi u qu và kh n ng c nh tranh;
- i) T ch c b máy qu n lý và nhân s , t ch c kinh doanh phù h p v i m c ích và n i dung ho t ng c a Công ty và theo quy nh c a pháp lu t;
- j) Quy t nh m , sáp nh p ho c óng c a chi nhánh, v n phòng i di n Công ty trong và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;
- k) L a ch n hình th c huy ng v n theo quy nh c a pháp lu t;
- l) Có quy n ngh khách hàng cung c p thông tin v tình hình tài chính, s n xu t kinh doanh khi quy t nh xác l p quan h giao d ch v i khách hàng và có quy n t ch i các quan h ó n u th y trái pháp lu t, không em l i hi u qu ho c không có kh n ng th c hi n;
- m) Khi u n i, t cáo ho c kh i ki n các hành vi xâm h i t i quy n và l i ích h p pháp c a Công ty;
- n) T ch i ho c t cáo m i yêu c u cung c p các ngu n l c không c pháp lu t quy nh c a b t k cá nhân, c quan hay t ch c nào, tr nh ng kho n t nguy n óng góp vì m c ích nhân o và công ích;
- o) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

2. Ngh a v c a Công ty:

- a) Ho t ng kinh doanh theo úng ngành, ngh ã ghi trong gi y phép thành l p và ho t ng; m b o i u ki n kinh doanh theo quy nh c a pháp lu t;
- b) Ch u trách nhi m tr c pháp lu t v toàn b ho t ng c a mình;
- c) T ch v tài chính, m b o chi phí, t ch u trách nhi m v k t qu kinh doanh, v s t ng tr ng vào b o toàn v n c a Công ty;
- d) Thi t l p h th ng ki m soát n i b , qu n tr r i ro và giám sát, ng n ng a nh ng xung t l i ích trong n i b Công ty và trong giao d ch v i ng i có liên quan;
- e) Qu n lý tách bi t ch ng khoán c a t ng nhà u t , tách bi t ti n và ch ng khoán c a nhà u t v i ti n và ch ng khoán c a Công ty;
- f) Ký h p ng b ng v n b n v i khách hàng khi cung c p d ch v cho khách hàng; cung c p y , trung th c thông tin cho khách hàng;
- g) u tiên th c hi n l nh c a khách hàng tr c l nh c a Công ty;
- h) Thu th p, tìm hi u thông tin v tình hình tài chính, m c tiêu u t , kh n ng ch p nh n r i ro c a khách hàng; b o m các khuy n ngh , t v n u t c a Công ty cho khách hàng ph i phù h p v i khách hàng ó;
- i) Tuân th các quy nh b o m v n kh d ng theo quy nh c a B Tài chính;
- j) Mua b o hi m trách nhi m ngh nghi p cho nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i

Công ty hoc trích l p qu b o v nhà u t b i th ng thi t h i cho nhà u t do s c k thu t và s s u t c a nhân viên trong Công ty;

- k) L u gi y các ch ng t và tài kho n ph n ánh chi ti t, chính xác các giao d ch c a khách hàng và c a Công ty;
- l) Th c hi n vi c bán ho c cho khách hàng bán ch ng khoán khi không s h u ch ng khoán và cho khách hàng vay ch ng khoán bán theo quy nh c a B Tài chính;
- m) Tuân th các quy nh c a B Tài chính v nghi p v kinh doanh ch ng khoán;
- n) Th c hi n ch k toán, ki m toán, th ng kê, ngh a v tài chính theo quy nh c a pháp lu t;
- o) Th c hi n công b thông tin theo quy nh t i i u 101 và i u 102 c a Lu t Ch ng khoán và ch báo cáo theo quy nh c a B Tài chính;
- p) Tuân th các nguyên t c v qu n tr Công ty theo quy nh t i i u 28 Lu t Ch ng khoán;
- q) óng góp qu h tr thanh toán theo quy nh t i quy ch c a Trung tâm l u ký ch ng khoán;
- r) Không c cung c p tài chính ho c b o lãnh cho các c ông m t cách tr c ti p ho c gián ti p; cho vay d i m i hình th c i v i các c ông l n, thành viên Ban Ki m soát, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban T ng Giám c, k toán tr ng, các ch c danh qu n lý khác do H i ng qu n tr b nhi m và ng i có liên quan c a nh ng i t ng này;
- s) Qu n lý tách bi t ti n và ch ng khoán c a t ng khách hàng, qu n lý tách bi t ti n và ch ng khoán c a khách hàng v i ti n và ch ng khoán c a Công ty. M i giao d ch b ng ti n c a khách hàng ph i c Công ty th c hi n qua ngân hàng. Không l m d ng các tài s n do khách hàng y thác cho Công ty qu n lý và ti n thanh toán giao d ch c a khách hàng, ch ng khoán c a khách hàng l u ký t i Công ty;
- t) Th c hi n các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 9. Các quy nh h n ch

1. Quy nh h n ch i v i Công ty:

- a) Không c a ra nh n nh ho c b o m v i khách hàng v m c thu nh p ho c l i nhu n t c trên kho n u t c a mình ho c b o m khách hàng không b thua l , ngo i tr u t vào ch ng khoán có thu nh p c nh;
- b) Không c ti t l thông tin v khách hàng tr khi c khách hàng ng ý ho c theo yêu c u c a c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n;
- c) Không c th c hi n nh ng hành vi làm cho khách hàng và nhà u t hi u nh m v giá ch ng khoán;
- d) Không c cho khách hàng vay ti n mua ch ng khoán, tr tr ng h p B Tài chính có quy nh khác;
- e) Không c th a thu n ho c a ra lãi s u t c th ho c chia s l i nhu n/thua l v i khách hàng l i kéo khách hàng tham giao giao d ch;
- f) Không c tr c ti p ho c gián ti p thi t l p các a i m ngoài các a i m giao d ch ã c UBCK ch p thu n ký h p ng, nh n l nh, th c hi n l nh giao

- d) Chỉ có ngân khoản hoặc thanh toán giao dịch chỉ ngân khoản với khách hàng;
- g) Không nhân lần, thanh toán giao dịch với ngân hàng khác phải là ngân hàng tên tài khoản giao dịch mà không có quy định của khách hàng bên bán;
- h) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng ký, giao dịch chỉ ngân khoản;
- i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chỉ ngân khoản không có chủ nghĩa thu nhập miễn trừ tránh né pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bị thế chấp của Công ty hoặc chuyển nhượng Công ty sang khách hàng; hoặc khách hàng thế chấp nghĩa vụ bị thế chấp không công bằng và các thủ tục gây bất lợi miễn trừ không công bằng cho khách hàng.

2. Quy định nội dung hành nghề ngân khoản của Công ty:

Trừ trường hợp các là ngân hàng đi nhận phần vốn góp hoặc các vào Ban quản lý công ty các thành viên của công ty hoặc các mà Công ty tự, Ngân hàng hành nghề Ngân khoản phải:

- a) Không có nghĩa vụ làm việc cho các khác có quan hệ hữu với Công ty ngân khoản của mình đang làm việc;
- b) Không có nghĩa vụ làm việc cho Công ty ngân khoản, Công ty quản lý khác;
- c) Không có nghĩa vụ làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc các hoạt động chào bán ngân khoản ra công chúng hoặc các nhiệm vụ;
- d) Chỉ có mở tài khoản giao dịch chỉ ngân khoản cho mình tại chính Công ty;
- e) Khi thế chấp các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, ngân hàng hành nghề ngân khoản là đi nhận cho Công ty và thế chấp với các Công ty. Không có sử dụng tên, ngân khoản trên tài khoản của khách hàng khi không có Công ty quy định theo sự thỏa thuận của khách hàng cho Công ty bên bán.

3. Quy định về thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc

- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không có nghĩa vụ là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty ngân khoản khác;
- b) Trưởng Ban Kiểm soát không có nghĩa vụ là thành viên Ban Kiểm soát, ngân hàng quản lý của công ty ngân khoản khác;
- c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không có nghĩa vụ làm việc cho công ty ngân khoản, công ty quản lý hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không có nghĩa vụ là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty ngân khoản khác.

Điều 10. Các quy định bổ sung thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bổ sung các thông tin liên quan đến hồ sơ ngân khoản và tên của khách hàng, trách nhiệm của chủ đầu tư, phòng to, chứng cứ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

2. Quy định tài khoản 1, tài khoản này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kế toán viên thực hiện kế toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b) Khách hàng của Công ty mua bất kỳ thông tin liên quan đến sự chuyển đổi khoản và tài khoản chính sách;
 - c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của các quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Quy tắc công nghệ nghiệp

1. Bộ quy tắc công nghệ nghiệp do Công ty ban hành dưới hình thức văn bản trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của UBCKNN và “Quy tắc ngành của Công ty chứng khoán” ban hành kèm theo Quy định số 20/QĐ-HHKDCKVN ngày 22/11/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
2. Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kế toán nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc công nghệ nghiệp của Công ty.

CHƯƠNG III

VĂN I UL, CÔNG SÁNG L P, C PH N, C PHI U

Điều 12. Văn i ul của Công ty

1. Văn i ul của Công ty Công chứng Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội quy định chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo i ul này. Phụ lục 01 là một phần không thể tách rời của i ul này.
2. Văn i ul của Công ty được chia thành các cấp độ có giá trị bằng nhau về mặt pháp lý là: 10.000 đồng/cấp độ (*Mười nghìn đồng trên một cấp độ*).
3. Văn i ul được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam (VN).
4. Công ty phải luôn duy trì mức văn i ul thực tế có không thể phân mức văn pháp pháp theo quy định của pháp luật. Trường hợp văn i ul thực tế phân mức pháp pháp, Công ty tiến hành bổ sung văn i ul của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Văn i ul được sử dụng vào các mục đích:
 - a) Mua, đầu tư vào tài sản;
 - b) Góp vốn, mua cấp độ, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
 - c) Thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d) Kinh doanh và làm các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Công sáng l p của Công ty

1. Tên, địa chỉ, số lượng cấp độ thực góp khi thành lập Công ty và các chi tiết khác về Công sáng l p theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ nêu tại Phụ lục 01 đính kèm.
2. Hạn chế về quy định của Công sáng l p:

- a) Công sáng lập của Công ty không chuyển nhượng phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho Công sáng lập khác trong Công ty.

Các Công khác là thành viên Hội đồng Quản trị, Công giám đốc và Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tương tự này.

- b) Công sáng lập không trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của mình.

Điều 14. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty (tên gọi công ty) phải thể hiện trên cơ sở quy định của Hội đồng, phù hợp với quy định của UBCKNN và pháp luật hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thể hiện theo quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi:
 - a) Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b) Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chi nhánh hoặc phân ngành huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thể hiện rõ.
4. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
 - a) Phát hành cổ phiếu mới huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Chuyển trái phiếu đã phát hành thành cổ phiếu;
 - c) Thụ nhận chuyển nhượng cổ phiếu;
 - d) Kết chuyển nguồn thu nhập bổ sung tăng vốn điều lệ;
 - e) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng phương tiện không thanh phần vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
6. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ, Công ty phải công bố vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật. Sau khi Phạt 01 của điều lệ này phù hợp với điều lệ mới. Việc sửa Phạt 01 do thay đổi vốn điều lệ do Hội đồng Quản trị thể hiện mà không cần thông qua Hội đồng Công ty.

Điều 15. Chuyển phần của Công ty

1. Tất cả phần của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này đều là phần phổ thông. Công đồng sở hữu phần phổ thông là Công đồng phổ thông;
2. Công ty Chuyển phần Chi nhánh Sài Gòn – Hà Nội có thể phát hành các loại cổ phiếu ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật;
3. Chuyển phần của Công ty có thể mua bằng tiền của Việt Nam, giá trị quy định bằng tiền và các tài sản khác quy định trong điều lệ của Công ty và theo các quy định của pháp luật;
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quy định bằng tiền và các tài sản khác không phải là

tin Việt Nam, ngoi t t do chuy n i, vàng thì phi là nh ng tài s n c n thi t ph c v tr c ti p cho ho t ng c a Công ty và phi c i h i ng C ông thông qua. Vi c nh giá và chuy n quy n s đ ng t và quy n s h u tài s n này th c hi n theo quy nh t i i u 29, i u 30 Lu t Doanh nghi p và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 16. Chào bán c ph n

1. H i ng Qu n tr quy t nh th i i m, ph ng th c, giá chào bán c ph n trong s c ph n c quy n chào bán. Giá chào bán c ph n không c th p h n giá th tr ng t i th i i m chào bán ho c giá tr c ghi trong s sách c a c ph n t i th i i m g n nh t tr các tr ng h p do pháp lu t quy nh nh sau:
 - a) C ph n chào bán l n u tiên cho nh ng ng i không phi C ông sáng l p;
 - b) C ph n chào bán cho t t c C ông theo t l c ph n hi n có c a h t i Công ty;
 - c) C ph n chào bán cho ng i môi gi i ho c ng i b o lãnh. Trong tr ng h p này, s chi t kh u ho c t l chi t kh u c th phi c s ch p thu n c a s C ông i di n cho ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
2. C ph n ph thông phi c u tiên chào bán cho các C ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h t i Công ty, tr tr ng h p i h i ng C ông có quy nh khác. Công ty ph i thông báo vi c chào bán c ph n, trong thông báo phi i nêu rõ s c ph n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p (t i thi u 20 ngày làm vi c) C ông có th ng ký mua.
3. S c ph n C ông không ng ký mua h t s do H i ng Qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng Qu n tr có th phân phi s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng Qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u, tr tr ng h p i h i ng C ông ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c ph n c chào bán qua SGĐCK/TTGĐCK.

i u 17. Mua l i c ph n

1. Công ty có th mua l i c ph n do chính Công ty ã phát hành theo úng quy nh t i i u l này và c a pháp lu t hi n hành. C ph n ph thông do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng Qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh t i i u l này, Lu t Ch ng khoán, Lu t Doanh nghi p và các quy nh pháp lu t khác có liên quan.
2. Mua l i c ph n theo quy t nh c a Công ty: Công ty có quy n mua l i không quá 30% t ng s c ph n ph thông ã bán ra, m t ph n ho c toàn b c ph n u ã c t c ã bán theo quy nh sau ãy:
 - a) H i ng Qu n tr có quy n mua l i không quá 10% t ng s c ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong m i m i hai tháng. Trong tr ng h p khác, vi c mua l i c ph n do i h i ng C ông quy t nh.
 - b) H i ng Qu n tr quy t nh giá mua l i c ph n.
i v i c ph n ph thông, giá mua l i không c cao h n giá th tr ng t i th i i m mua l i, tr tr ng h p quy nh t i i m c, kho n này.

đi về các phần loại khác, nếu nếu Công ty không quy định hoặc Công ty và Công ty có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không có thể phân giá trị;

- c) Công ty có thể mua lại các phần của Công ty từ các người nắm giữ các phần của Công ty. Trong trường hợp này, quy định mua lại các phần của Công ty phải được thông báo bằng văn bản cho các thành viên Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quy định được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ và chức danh của Công ty, tên và địa chỉ của người nắm giữ các phần mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thời điểm và thời hạn thanh toán, thời điểm Công ty chào bán các phần của Công ty.
- d) Công ty có thể bán lại các phần của mình bằng văn bản cho Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ, ngày sinh, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, ngày sinh, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Công ty là tổ chức; số phần sở hữu và số phần chào bán; phương thức thanh toán; chức vụ của Công ty hoặc người đi đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty chào bán các phần của Công ty trong thời hạn nói trên.

3. Mua lại các phần theo yêu cầu của Công ty:

- a) Công ty bị yêu cầu quy định về việc chuyển nhượng các phần của Công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của Công ty quy định trong Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty mua lại các phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Công ty, số và nội dung của phần cần mua lại, giá định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Công ty thông qua quyết định các vấn đề quy định trong Điều lệ này.
- b) Công ty phải mua lại các phần theo yêu cầu của Công ty quy định trong Điều lệ này, khoản này về giá trị hoặc giá tính theo nguyên tắc quy định trong Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận về giá thì Công ty có thể bán các phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp Công ty lựa chọn và lựa chọn đó là quy định cuối cùng.

4. Thời hạn thanh toán và xử lý các phần mua lại:

- a) Công ty phải thanh toán các phần của Công ty mua lại cho Công ty theo quy định trong Điều lệ này, khoản 2, 3 của Điều lệ này ngay sau khi thanh toán các phần của Công ty mua lại, Công ty và bên mua thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b) Các phần của Công ty mua lại theo quy định trong Điều lệ này, khoản 2, 3 của Điều lệ này được coi là các phần thu về và thu của các phần của Công ty chào bán.
- c) Công ty phải xác định quy định về các phần của Công ty mua lại phải thanh toán ngay sau khi các phần của Công ty mua lại được thanh toán. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do không thanh toán hoặc chi phí gây ra về Công ty.
- d) Sau khi thanh toán các phần của Công ty mua lại, nếu giá trị tài sản của Công ty ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các thành viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán các phần của Công ty.

mua l i.

i u 18. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p C ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng Qu n tr thông báo và có quy n yêu c u C ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.

Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

2. Tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n, tr c khi thanh toán y t t c các kho n ph i n p, các kho n lãi và các chi phí liên quan, H i ng Qu n tr có quy n thu h i s c ph n ó. Vi c thu h i này s bao g m t t c c t c c công b i v i c ph n b thu h i mà th c t ch a c chi tr cho n th i i m thu h i. H i ng Qu n tr có th ch p nh n vi c giao n p các c ph n b thu h i theo quy nh t i các kho n 3, 4 và 5, i u này và trong các tr ng h p khác c quy nh t i i u l này.
3. C ph n b thu h i s tr thành tài s n c a Công ty. H i ng Qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng Qu n tr th y là phù h p.
4. C ông n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách C ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l do H i ng Qu n tr quy t nh (nh ng không quá 10%/n m) k t ngày b thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng Qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i ho c có th m i n gi m thanh toán m t ph n ho c toàn b s t i n ó.
5. Thông báo thu h i s c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

i u 19. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n u có th c t do chuy n nh ng tr nh ng c ph n b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a pháp lu t và i u l này. C phi u c a Công ty khi niêm y t trên SGDCK/TTGDCK s c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán c a SGDCK/TTGDCK.
2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng c t c.
3. Vi c chuy n nh ng c th c hi n b ng v n b n ho c b ng các ph ng th c khác do H i ng Qu n tr Công ty quy t nh. C phi u c a Công ty khi niêm y t trên SGDCK/TTGDCK s c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
4. Trong tr ng h p C ông b ch t vi c gi i quy t quy n l i, trách nhi m c a C ông c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v th a k .

i u 20. Ch ng ch c phi u

1. Mọi Công ty của Công ty sẽ cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (gồm tất cả chứng chỉ cổ phiếu) và sổ đăng ký cổ phần và sổ đăng ký cổ phần, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp.

Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Công ty nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. Mọi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh phải đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời gian bảy (07) ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán tiền mua cổ phần theo quy định tại Điều lệ phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả chi phí in cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì cho Công ty trừ trường hợp in, cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của Công ty.
4. Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cổ phiếu sẽ sử dụng và chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị ảnh hưởng do một tác phẩm hoặc tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải trả ra bằng chứng về việc sử dụng cổ phần và phải trả phí theo quy định của Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích gian lận, lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành chứng chỉ ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng chỉ ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) để chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng.

Hội đồng Quản trị ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 21. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết Hội đồng Quản trị thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường hợp chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 22. Sổ đăng ký Công ty

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Công ty để đăng ký văn bản, tài liệu liên quan hoặc hai loại này tại khi Công ty cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký Công ty phải có các nội dung chi tiết như sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (nếu Công ty là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (nếu Công ty là tổ chức);
 - c) Số lượng phần tử của Hội đồng, ngày đăng ký thành lập;
 - d) Tổng số phần tử quy định chào bán, loại phần tử quy định chào bán và số phần tử quy định chào bán của từng loại;
 - e) Tổng số phần tử bán của từng loại và giá trị vốn góp.
3. Số đăng ký Công ty thuộc loại gì theo chức năng của Công ty hoặc có thể thuộc loại gì theo Trung tâm Lưu ký chứng khoán.
- Công ty có quy định kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung số đăng ký Công ty trong gì làm việc của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

CHƯƠNG IV

CẤU TRÚC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 23. Cấu trúc quản lý

1. Các cơ quan quản lý của Công ty bao gồm:
 - a) Hội đồng Công ty;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
2. Cấu trúc của Công ty chịu sự bao gồm các thành phần sau:
 - a) Trụ sở chính;
 - b) Các Chi nhánh; văn phòng đại diện; các công ty con trực thuộc;
 - c) Các phòng giao dịch.
3. Trụ sở chính của Công ty bao gồm:
 - a) Hội đồng Quản trị;
 - b) Ban Kiểm soát;
 - c) Tổng Giám đốc;
 - d) Hệ thống kiểm soát nội bộ.
4. Công ty được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, công ty con trực thuộc khi có nhu cầu và được pháp luật cho phép. Cấu trúc của các nhánh trên thuộc Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc:
 - a) Các Phó Tổng Giám đốc;
 - b) Kế toán trưởng;

- c) Các phòng, ban nghi p v ;
- d) B ph n ki m soát n i b .

M c 1 - C ông, i h i ng C ông

i u 24. C ông c a Công ty

1. C ông là ng i ch s h u c a Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. C ông ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Quy n s h u c ph n và m i quy n l i h p pháp khác c a C ông c pháp lu t b o v .
3. C ông c công nh n chính th c khi óng t i n mua c ph n ho c chuy n quy n s h u ho c th a k c ph n h p pháp và c ghi tên vào S ng ký C ông c a Công ty.
4. Vi c c ng i i di n theo u quy n c a C ông t i Công ty th c hi n theo kho n 3, i u 96 Lu t Doanh nghi p và các quy nh có liên quan c a pháp lu t.
5. Vi c không thanh toán c các kho n n , ph m t i hay ch t, ch m đ t ho t ng c a các C ông không nh h ng n các ho t ng c a Công ty.
6. Gi i h n s h u c ph n i v i các C ông c a Công ty ph i tuân th các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 25. Quy n c a C ông

1. C ông s h u c ph n ph thông có các quy n sau:
 - a) Tham d và phát bi u trong các cu c h p i h i ng C ông, th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n. M i c ph n ph thông có m t phi u bi u quy t;
 - b) ng c , c thành viên H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát theo quy nh t i kho n 4, i u 39 và kho n 5, i u 54 t i i u l này và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;
 - c) Nh n c t c theo m c do i h i ng C ông quy t nh;
 - d) T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh t i i u l này và pháp lu t hi n hành;
 - e) c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;
 - f) c nh n thông tin v tình hình ho t ng c a Công ty theo quy nh t i i u l này;
 - g) Ki m tra các thông tin liên quan n C ông trong danh sách C ông t cách tham gia i h i ng C ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
 - h) Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l c a Công ty, s biên b n h p i h i ng C ông và các Ngh quy t c a i h i ng C ông;

- i) Tr ợng h ợp Công ty gi ợi th ợc phá s ợn, ợc nh ợn m ợt ph ợn tài s ợn còn l ợi t ợng ợng v ợi s ợc ph ợn góp v ợn vào Công ty sau khi Công ty ợã thanh toán cho ch ợn và các C ợng lo ợi khác theo quy ợnh ợc a pháp lu ợt;
 - j) Yêu c ợu Công ty mua l ợi c ợp nh ợc a h ợt trong các tr ợng h ợp quy ợnh t ợi i ợu l ợi này và Lu ợt Doanh nghi ợp;
 - k) Các quy ợn khác theo quy ợnh t ợi i ợu l ợi này và pháp lu ợt.
2. Ngoài các quy ợn quy ợnh trên ợy, C ợng h ợc nhóm C ợng n ợm gi ợt nh ợt 05% t ợng s ợc ph ợn ph ợt thông trong th ợi h ợn liên t ợc t ợt sáu (06) tháng tr ợ lên c ợ các quy ợn sau:
- a) ợc các thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ h ợc Ban Ki ợm soát theo quy ợnh t ợi i ợu kho ợn 4, i ợu 39 và kho ợn 5, i ợu 54 t ợi i ợu l ợi này;
 - b) Yêu c ợu tri ợu t ợp ợi h ợi ợng C ợng theo quy ợnh t ợi i ợu kho ợn 3, i ợu 79 Lu ợt Doanh nghi ợp;
 - c) Ki ợm tra và nh ợn b ợn sao h ợc b ợn trích d ợn danh sách các C ợng c ợ quy ợn tham d ợ và b ợ phi ợu t ợi i ợi h ợi ợng C ợng.
 - d) Yêu c ợu Ban Ki ợm soát ki ợm tra t ợng v ợn ợc th ợ liên quan ợn qu ợn lý, i ợu hành h ợ t ợng c ợa Công ty khi xét th ợ y c ợn thi ợt. Yêu c ợu ph ợi th ợ hi ợn b ợng v ợn b ợn; ph ợi c ợ h ợ, tên, ợa ch ợ th ợng trú, qu ợc t ợ ch, s ợ Gi ợ y ch ợng minh nhân dân, H ợ chi ợu h ợc ch ợng th ợ cá nhân h ợp pháp khác ợi v ợi C ợng là cá nhân; tên, ợa ch ợ th ợng trú, qu ợc t ợ ch, s ợ quy ợt nh ợ thành l ợp h ợc s ợng ký kinh doanh ợi v ợi C ợng là t ợ ch c ợ; s ợ l ợng c ợ ph ợn và th ợ i ợi m ợng ký c ợ ph ợn c ợa t ợng C ợng, t ợng s ợc ph ợn c ợa c ợ nhóm C ợng và t ợ l ợ s ợ h ợ trong t ợng s ợc ph ợn c ợa Công ty; v ợn ợc n ợ ki ợm tra, m ợ c ợ ích ki ợm tra;
 - e) Các quy ợn khác ợc quy ợnh t ợi i ợu l ợi này và phù ợ h ợp v ợi quy ợnh ợc a pháp lu ợt.

i ợu 26. Quy ợn kh ợi ki ợn ợi v ợi thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ, T ợng Giám ợc

- 1. C ợng, nhóm C ợng s ợ h ợ ợt nh ợt 1% s ợc ph ợn ph ợt thông liên t ợc trong th ợi h ợn 06 tháng c ợ quy ợn yêu c ợu Ban ki ợm soát kh ợi ki ợn trách nhi ợm dân s ợ ợi v ợi thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ, T ợng Giám ợc trong các tr ợng h ợp sau ợy:
 - a) Thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ, T ợng Giám ợc không th ợc hi ợn ợng các quy ợn và nhi ợm v ợc giao; không th ợc hi ợn, th ợc hi ợn không ợy ợ, không k ợp th ợi quy ợt nh ợc a H ợi ợng Qu ợn tr ợ; th ợc hi ợn các quy ợn và nhi ợm v ợc giao trái v ợi quy ợnh ợc a pháp lu ợt, i ợu l ợi Công ty h ợc Ngh ợ quy ợt c ợa ợi h ợi ợng C ợng;
 - b) Thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ, T ợng Giám ợc ợã s ợ d ợng thông tin, bí quy ợt, c ợ h ợi kinh doanh c ợa Công ty ợt l ợi riêng h ợc ph ợc v ợ cho l ợi ích c ợa t ợ ch c ợ, cá nhân khác;
 - c) Thành viên H ợi ợng Qu ợn tr ợ, T ợng Giám ợc ợã l ợm d ợng ợa v ợ, ch ợc v ợ và tài s ợn c ợa Công ty ợt l ợi riêng h ợc ph ợc v ợ l ợi ích c ợa t ợ ch c ợ, cá nhân khác;
 - d) Các tr ợng h ợp khác theo quy ợnh ợc a pháp lu ợt và i ợu l ợi Công ty.
- 2. Trong th ợi h ợn 15 ngày, k ợt ngày nh ợn ợc yêu c ợu kh ợi ki ợn c ợa C ợng, nhóm C ợng quy ợnh t ợi i ợu kho ợn 1 ợi u này, Ban ki ợm soát ph ợi tr ợ l ợi b ợng v ợn b ợn xác

nhân ảnh hưởng yêu cầu kỹ thuật và tiến hành các thủ tục kỹ thuật theo yêu cầu.

3. Trưởng ban kiểm soát không kỹ thuật theo yêu cầu quy định khoản 2 điều này thì Công đồng, nhóm Công đồng quy định khoản 1 điều này có quyền trực tiếp kỹ thuật thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Giám đốc.
4. Trình tự, thủ tục kỹ thuật thể hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam dân sự.

Điều 27. Nghĩa vụ của Công đồng

1. Công đồng phải thông qua Công ty có nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ điều lệ Công ty và các Quy chế, Quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng Công đồng, Hội đồng Quản trị;
 - b) Thanh toán ý kiến mua cổ phần đã ký mua theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật tính hình pháp của người mua cổ phần;
 - c) Không được rút vốn đã góp bằng cách phân phối thông ra khỏi Công ty dưới hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trưởng ban có Công đồng rút vốn phân phối hoặc toàn bộ vốn góp trái với quy định này thì Hội đồng Quản trị và Trưởng Giám đốc Công ty phải cùng chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút;
 - d) Cung cấp chính xác khi ký mua cổ phần;
 - e) Bảo vệ tín, tài sản, lợi ích của Công ty và ghi bí mật các hoạt động của Công ty;
 - f) Chịu trách nhiệm và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;
 - g) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - h) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới hình thức thể hiện trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản chi phí nhân sự trực tiếp tài chính có thể xảy ra vì lợi ích công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ của Công đồng quy định khoản 1, điều này, Công đồng phải nộp 05% (năm phần trăm) trở lên trên tổng số phân phối thông qua Công ty công lợi là Công đồng lập và trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày trở thành Công đồng lập phải báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK/TTGDCK nội dung của Công ty công lợi năm.
3. Công đồng phải nộp 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì công lợi và người có liên quan không được hưởng trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phân phối vốn góp của công ty chi phí khác. Không được lợi dụng thực tế của mình gây thiệt hại quyền và lợi ích của Công ty và các công đồng khác.

Điều 28. Hội đồng Công đồng

1. Hội đồng Công đồng là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao

g m t t c C ông có quy n bi u quy t, ho t ng thông qua các cu c h p i h i ng C ông th ng niên, i h i C ông b t th ng và thông qua hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Các cu c h p i h i ng C ông ph i có s C ông tham d i di n s c ph n có quy n bi u quy t t i thi u theo quy nh t i i u 33 i u l này.
3. Quy t nh c a i h i ng C ông ch có giá tr khi c các C ông ho c ng i c u quy n thông qua theo quy nh t i i u 35, i u l này.
4. C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo u quy n th c hi n các quy n C ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t. Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo u quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a t ng ng i i di n. Vi c c , thay i, ch m d t ng i i di n theo u quy n ph i c thông báo b ng v n b n cho Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i theo quy nh t i i u 96, Lu t Doanh nghi p.

i u 29. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng C ông

i h i ng C ông trong ph m vi các quy nh c a pháp lu t và i u l này có các nhi m v và quy n h n sau:

1. i h i ng C ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính ã c ki m toán hàng n m;
 - b) Báo cáo c a Ban Ki m soát;
 - c) Báo cáo c a H i ng Qu n tr ;
 - d) K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.
2. i h i ng C ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh b ng v n b n v các v n sau:
 - a) Thông qua các Báo cáo tài chính hàng n m;
 - b) Thông qua ph ng án phân ph i, s d ng l i nhu n và trích l p các qu theo ngh c a H i ng Qu n tr và theo quy nh c a pháp lu t;
 - c) Quy t nh m c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng Qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các C ông t i i h i ng C ông;
 - d) Thông qua k ho ch ho t ng kinh doanh n m tài chính t i p theo;
 - e) Thông qua s l ng thành viên c a H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát;
 - f) L a ch n công ty ki m toán c l p cho n m tài chính t i p theo;
 - g) B u, bãi nhi m, mi n nhi m và thay th Thành viên H i ng Qu n tr và Ban Ki m soát;
 - h) Quy t nh t ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát trong n m tài chính t i p theo và Thông qua báo cáo t i n thù lao c a H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát trong n m tài chính v a th c hi n;
 - i) Thông qua vi c b sung và s a i i u l Công ty;

- j) Quy định nội dung giám đốc và ủy viên của Công ty, loại phần và số lượng phần miễn thuế phát hành cho mỗi loại phần;
 - k) Quy định việc chuyển nhượng cổ phần ban đầu của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l) Quy định việc chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - m) Quy định về chi phí, lợi nhuận, hoặc phân phối Công ty và chuyển nhượng cổ phần;
 - n) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - o) Quy định giao dịch mua tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch bán có giá trị từ 50% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Quy định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại phần phát hành;
 - q) Quy định việc Tổng Giám đốc ứng cử làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - r) Quy định Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại khoản 1, Điều 65 của Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - s) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan pháp luật;
3. Hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền giám đốc của Hội đồng Cổ đông phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật. Các nội dung ủy quyền phải được ghi chép trong Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu lý lịch của Hội đồng Cổ đông bầu ra.

Điều 30. Thẩm quyền triệu tập Hội đồng Cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty có thẩm quyền triệu tập Hội đồng Cổ đông thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Cổ đông thường niên không có thẩm quyền triệu tập bất kỳ phiên họp nào khác.
2. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền triệu tập Hội đồng Cổ đông thường niên và là chủ trì phiên họp. Hội đồng Cổ đông thường niên quy định nội dung và theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, được biết thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thẩm quyền triệu tập Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Ngân sách kiểm toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh với Điều lệ đã bị vi phạm;
 - c) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

ch ng tr nh h p ph i c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng C ng.

3. i v i các C ng ã th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng C ng có th c g i nt ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a SGDCK/TTGDCK, trên website c a Công ty, 01 t báo trung ng ho c 01 t báo a ph ng n i Công ty óng tr s chính.
4. i v i các C ng ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng C ng có th c g i cho C ng b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua bu i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a C ng, ho c t i a ch do C ng ó cung c p ph c v vi c g i thông tin.

Tr ng h p C ng ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax ho c a ch th i nt , thông báo h p i h i ng C ng có th c g i t i s fax ho c a ch th i nt ó. Tr ng h p C ng là ng i làm vi c trong Công ty, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c.

Thông báo h p i h i ng C ng ph i c g i tr c ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng C ng (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Thông báo h p i h i ng C ng ph i c công b trên website c a Công ty ng th i v i vi c g i thông báo cho các C ng.

5. C ng ho c nhóm C ng s h u t 05% t ng s c ph n ph thông tr lên trong th i h n liên t c ít nh t 06 tháng có quy n xu t các v n a vào ch ng tr nh h p i h i ng C ng. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (3) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng C ng. xu t ph i bao g m h và tên C ng, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng tr nh h p.
6. Ng i tri u t p h p i h i ng C ng có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n kho n 3, i u này trong các tr ng h p sau:
 - a) xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
 - b) Vào th i i m xu t, C ng ho c nhóm C ng không có t i thi u 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng;
 - c) V n c xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng C ng bàn b c và thông qua.
7. Ng i tri u t p h p i h i ng C ng ph i ch p nh n và a các n i dung ki n ngh c a C ng ho c nhóm C ng quy nh t i kho n 5, i u này vào đ ki n ch ng tr nh và n i dung cu c h p (tr tr ng h p quy nh t i kho n 4, i u này). Ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng tr nh và n i dung cu c h p n u c i h i ng C ng ch p nh n.
8. H i ng Qu n tr ph i chu n b đ th o Ngh quy t cho t ng v n trong ch ng tr nh h p.

i u 32. Quy n đ h p i h i ng C ng

1. C ng là cá nhân, ng i i di n theo u quy n c a C ng là t ch c có th tr c t i p ho c u quy n b ng v n b n cho m t ng i khác đ h p i h i ng C ng. Ng i c u quy n không nh t thi t là C ng c a Công ty.

2. Người chủ quy định phụ lục trình văn bản quy định hợp tác khi vào phòng họp. Văn bản quy định hợp pháp theo mục a Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trưởng hợp tác cá nhân là người quy định phải có chữ ký của Công ty và người chủ quy định hợp pháp;
 - b) Trưởng hợp tác người đi định theo quy định của Công ty là thành viên là người quy định phải có chữ ký của người đi định theo quy định, người đi định theo pháp luật của Công ty và người chủ quy định hợp pháp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi định theo pháp luật của Công ty và người chủ quy định hợp pháp.
3. Trưởng hợp pháp luật thay mặt cho người quy định ký giấy chấp thuận đi định, vì các chấp thuận đi định trong trường hợp này chủ yếu coi là có hiệu lực nếu giấy chấp thuận đi định đó có xu hướng cùng với quy định cho luật sư hoặc bên sao hợp pháp của thủ tục quy định.
4. Trưởng hợp pháp quy định tại khoản 3, điều này, phải chịu quy định của người chủ quy định hợp pháp trong phạm vi người chủ quy định văn bản có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người quy định chấp thuận, bên chấp thuận nội dung hành vi dân sự hoặc bên chấp thuận nội dung hành vi dân sự;
 - b) Người quy định chấp thuận về các nhu cầu quy định;
 - c) Người quy định chấp thuận thêm quy định của người thành viên của người quy định.
5. Quy định tại khoản 2, điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt pháp lý trong các trường hợp nêu tại khoản 4, điều này trong vòng hai mươi (24) giờ kể từ khi khai mạc cuộc họp nội bộ của Công ty hoặc từ khi cuộc họp kết thúc.
6. Trưởng hợp pháp phần chấp thuận nội dung trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Công ty để họp ngày khai mạc cuộc họp nội bộ của Công ty thì người chấp thuận nội dung có quy định hợp pháp nội bộ của Công ty thay thế cho người chấp thuận nội dung về việc chấp thuận chấp thuận nội dung.

Điều 33. Các điều kiện tiến hành họp nội bộ của Công ty

1. Nội bộ của Công ty tiến hành khi có số Công ty để họp nội bộ cho ít nhất 65% thành viên có quyền biểu quyết.
2. Trưởng hợp pháp không có sự đồng ý của thành viên thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm khai mạc cuộc họp nội bộ, nội bộ phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đầu tiên thực hiện cuộc họp nội bộ của Công ty lần thứ hai.

Cuộc họp nội bộ của Công ty triệu tập lại chỉ tiến hành khi có thành viên tham dự là các Công ty và người đi định của quy định hợp pháp nội bộ cho ít nhất 51% thành viên có quyền biểu quyết.
3. Trưởng hợp pháp cuộc họp triệu tập lại lần thứ hai không tiến hành theo quy định tại khoản 2, điều này thì cuộc họp nội bộ của Công ty lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày đầu tiên tiến hành họp nội bộ lần thứ hai. Và trong trường hợp này cuộc họp nội bộ của Công ty tiến hành không phải thu cước vào

s Công và i di n c u quy n đ h p, t l s c ph n có quy n bi u quy t c a các Công đ h p và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng Công l n th nh t có th phê chu n.

4. Ch có i h i ng Công m i có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p trên c s ngh c a Ch to cu c h p.

i u 34. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng Công

1. Vào ngày t ch c i h i ng Công, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký Công và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các Công có quy n đ h p có m t ng ký h t.
2. Khi ti n hành ng ký Công, Công ty s c p cho t ng Công ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a Công, h và tên ng i i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a Công ó.
3. Công n đ i h i ng Công mu n có quy n ng ký đ h p và ngay sau ó có quy n tham gia, bi u quy t t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho Công n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi Công n mu n tham đ s không b nh h ng.
4. Ch to trong cu c h p i h i ng Công là Ch t ch H i ng Qu n tr . Tr ng h p Ch t ch H i ng Qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng Qu n tr ho c ng i c i h i ng Công b u r a s ch trì cu c h p.
Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, Thành viên H i ng Qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch c h p b u r a Ch t a c a i h i ng Công, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng Qu n tr . Tr ng h p b u Ch to , tên Ch to c c và s phi u b u cho Ch to ph i c công b .
5. Ch t a c m t Ban ho c m t ng i làm th ký l p biên b nh p i h i ng Công.
6. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng Công s mang tính phán quy t cao nh t.
7. i h i s thông qua thành ph n ban ki m phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên c a ban ki m phi u không quá ba (3) ng i.
8. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th ng h Ngh quy t c thu tr c, s th ph n i Ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh.
T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó.
9. Ch to i h i ng Công có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do Ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng:
 - a) Các thành viên tham đ không th có ch ng i thu n tin a i m t ch c i h i;
 - b) Hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p;

c) Sự trì hoãn là cần thiết các công việc của Hội đồng điều hành một cách hợp lý.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng có thể hoãn Hội đồng khi có sự bất trí hoặc yêu cầu của Hội đồng Công đồng sẽ ngừng việc điều hành công việc.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày diễn ra khai mạc Hội đồng. Hội đồng phải xem xét các công việc đã ghi trong quy định pháp luật về Hội đồng điều hành trước đó.

10. Trường hợp Chủ tịch hoãn hoặc tạm ngưng Hội đồng trái với quy định khoản 9, điều này, Hội đồng bổ sung những khác biệt trong số các điều khoản tham dự thay thế Chủ tịch và hành động hợp pháp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các điều khoản quy định về hợp pháp không bị ảnh hưởng.

11. Chủ tịch Hội đồng có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết nếu khi này Hội đồng một cách hợp lý và có trách nhiệm; hoặc Hội đồng phân ánh sáng mong muốn của các điều khoản tham dự.

12. Hội đồng Quản trị Công ty có quyền yêu cầu các Công đồng hoặc điều kiện quy định tham dự Hội đồng của các điều kiện tra hỏi các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Công đồng hoặc điều kiện quy định không chịu tuân thủ quy định về kiểm tra hỏi các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng có thể tiến hành hoặc trục xuất Công đồng hoặc điều kiện nói trên tham gia Hội đồng.

13. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng Quản trị cho là thích hợp:

- a) Điều chỉnh số lượng có mặt tối thiểu của Hội đồng;
- b) Bảo đảm an toàn cho những điều kiện có mặt tối thiểu;
- c) Tạo điều kiện cho Công đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội đồng.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay thế những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là các quy định về các hoạt động ngừng hình thức khác.

14. Trong trường hợp Hội đồng Công đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định Hội đồng có thể:

- a) Thông báo rằng Hội đồng điều hành tối thiểu của Hội đồng ghi trong thông báo và Chủ tịch Hội đồng có mặt tối thiểu (“điều kiện chính của Hội đồng”);
- b) Bất cứ, tất cả những Công đồng hoặc điều kiện quy định không chấp hành theo điều khoản này hoặc những người không tham gia điều kiện khác với điều kiện chính của Hội đồng có thể ngừng tham dự Hội đồng;

Thông báo về việc chấp hành Hội đồng không cần nêu chi tiết những biện pháp chấp hành theo điều khoản này.

15. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mỗi Công đồng sẽ được coi là tham gia Hội đồng điều kiện chính của Hội đồng.

Điều 35. Thông qua quy định của Hội đồng Công đồng

1. Hội đồng Công đồng thông qua các quy định nội bộ quy định về hình thức biểu

quy tắc thực hành pháp lý kinh doanh;

2. Quy định của Hội đồng được thông qua tại cuộc họp khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt tại Hội đồng chấp thuận (Trường hợp quy định khoản 3, điều này).
3. Các quy định của Hội đồng và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các Công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp (hoặc thông qua đại diện của quy định) có mặt tại Hội đồng hoặc bằng phiếu biểu quyết dưới hình thức pháp lý kinh doanh văn bản chấp thuận:
 - a) Sửa và bổ sung điều;
 - b) Thông qua lợi ích phi lợi nhuận và số lượng phần trăm lợi ích quyền chào bán;
 - c) Tổ chức lại, sáp nhập và giải thể Công ty;
 - d) Thông qua các giao dịch mua tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch bán do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kê khai toán gần nhất.
4. Quy định của Hội đồng được thông qua bằng hình thức pháp lý kinh doanh văn bản khi có các Công đồng đại diện từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
5. Trường hợp Công đồng đề nghị có liên quan hay quyền lợi trực tiếp không có quyền biểu quyết, Nghị quyết của Hội đồng và văn bản đó được thông qua khi có ít nhất 65% hoặc 75% tổng số phiếu biểu quyết đồng ý theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 điều này.
6. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dân phi lợi nhuận, theo mô hình Công đồng có tổng số phiếu biểu quyết đồng ý từ tổng số phần trăm nhân viên thành viên bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; Công đồng có quyền dành phần trăm phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều thành viên.
7. Số phiếu biểu quyết của mỗi Công đồng có quyền biểu quyết hoặc người đại diện của quy định bằng số phần trăm mà Công đồng đã đăng ký.
8. Trường hợp phần trăm Công đồng đại diện 100% số phần trăm có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện của quy định tại Hội đồng, thì nghị quyết của Hội đồng nhất trí thông qua được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp vì các lý do pháp lý Hội đồng không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
9. Quy định hợp lệ của Hội đồng có hiệu lực thi hành ngay từ các Công đồng và giám đốc hay bất kỳ cá nhân.
10. Thay đổi các quy định:
 - a) Các quy định của Hội đồng liên quan đến văn bản phần trăm của Công ty sẽ chia thành các lợi ích phần trăm khác nhau, và việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất lợi liên quan đến lợi ích phần trăm sẽ được thông qua khi có số nhất trí bằng văn bản của nghị quyết ít nhất 75% quyền biểu quyết của các phần trăm phát hành lợi ích.

b) Việc thực hiện mua bán trên cơ sở giá trị khi có tối thiểu hai Công đồng (hoặc ít nhất một quy định) và năm giá trị tối thiểu mua bán giá trị mua bán giá trị các công đồng đó đã phát hành.

Trường hợp không có sự đồng ý nêu trên thì thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những quy định mua bán thu công đồng đó (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ công đồng) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định coi là sổ đăng ký bắt buộc.

Tất cả các công đồng riêng biệt nêu trên, những quy định mua bán thu công đồng đó có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện có thể yêu cầu bồi thường và miễn giảm khi bồi thường có mặt lá phiếu cho mỗi phần số mua thu công đồng đó.

c) Thời hạn thực hiện các công đồng riêng biệt như vậy để thực hiện tất cả các quy định từ 33, 34, 35 của luật này.

d) Trường hợp khi nào phát hành công đồng quy định khác, các quy định bắt buộc liên quan đến các loại công đồng có quy định về việc mua bán hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các công đồng cùng loại.

11. Nghị quyết, quy định của Hội đồng Công đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, quy định đó.

12. Trường hợp có Công đồng, nhóm Công đồng, thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khi ký hoặc trực tiếp khi ký nội dung Nghị quyết, quy định đã được thông qua thì Nghị quyết bất kỳ nội dung nào cũng có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quy định khác.

Điều 36. Thẩm quyền và thủ tục ký tên Công đồng bán vốn

1. Hội đồng Quản trị có quyền ký tên Công đồng bán vốn thông qua quy định của Hội đồng Công đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng Quản trị phải chịu bồi thường ký tên, đồng thời quy định của Hội đồng Công đồng và các tài liệu ghi trình đồng thời quy định. Phiếu ký tên kèm theo đồng thời quy định và tài liệu ghi trình phải có chữ ký và chữ ký của người mua công đồng;

3. Phiếu ký tên phải có các nội dung như sau đây:

a) Tên, địa chỉ trực tiếp, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nội dung ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích ký tên;

c) Họ, tên, địa chỉ trực tiếp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ trực tiếp, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh của Công đồng hoặc đại diện theo quy định của Công đồng là tổ chức; sổ đăng ký mua bán công đồng và sổ bồi thường của Công đồng;

d) Vấn đề ký tên thông qua quy định;

e) Phương án bồi thường quy định bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải ký tên Công đồng phiếu ký tên đã nêu trên;

- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lý ý kiến đã được trình lập có chữ ký của Công đồng là cá nhân, của người đi di n theo quy định hoặc người đi di n theo pháp luật của Công đồng là tổ chức.
 5. Phiếu lý ý kiến gửi về Công ty phải được niêm phong bì dán kín và không ai được quy định mở khi kiểm phiếu. Các phiếu lý ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định nội dung phiếu lý ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ;
 6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu để báo cáo Ban Kiểm soát hoặc của Công đồng không nắm giữ chức vụ quản lý tài Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chi tiết sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngành ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lý ý kiến thông qua quy định;
 - c) Số Công đồng và tổng số phiếu bầu quy định tham gia bầu quy định, trong đó phân biệt số phiếu bầu quy định hợp lệ và số phiếu bầu quy định không hợp lệ, kèm theo phôi danh sách Công đồng tham gia bầu quy định;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến về vấn đề;
 - e) Các quy định đã thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.
 7. Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy định thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi kèm các Công đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
 9. Phiếu lý ý kiến đã được trình lập, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý ý kiến để lập luận giải trình với trụ sở chính của Công ty;
 10. Quy định được thông qua theo hình thức lý ý kiến Công đồng bằng văn bản có giá trị như quy định được thông qua trực tiếp tại Hội đồng Công đồng.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng Công đồng

1. Nội dung cuộc họp Hội đồng Công đồng được ghi vào biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể bằng tiếng nước ngoài, gồm các nội dung chi tiết sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngành ký kinh doanh của Công ty;
 - b) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c) Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
 - d) Tóm tắt diễn biến trong cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội đồng Công đồng và kết quả trong nội dung chương trình họp;

- e) S C ông và t ng s phi u bi u quy t c a các C ông đ h p, ph l c danh sách ng ký C ông, i di n C ông đ h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;
- f) T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t, trong ó ghi rõ t ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
- g) Các quy t nh c thông qua;
- h) H , tên, ch ký c a Ch to và Th ký cu c h p.

Biên b n c l p b ng tí ng Vi t và tí ng n c ngoài u có hi u l c pháp lý nh nhau.

2. Biên b n h p i h i ng C ông ph i làm xong và thông qua tr c khi b m c cu c h p.
3. Ch to và Th ký cu c h p ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n. Biên b n h p i h i ng C ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng C ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n.
4. Biên b n h p i h i ng C ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi , và g i n t t c các C ông có quy n đ h p tr ong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày i h i ng c ông k t thúc.
5. Biên b n h p i h i ng C ông, các b n ghi chép, s ch ký c a các C ông đ h p và v n b n u quy n tham d , toàn v n Ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm thông báo m i h p ph i c l u gi t i tr s chính Công ty.

i u 38. Hu b quy t nh c a i h i ng C ông

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c Biên b n h p i h i ng C ông ho c Biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n C ông b ng v n b n, C ông, thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và Ban Ki m soát có quy n yêu c u Toà án, UBCKNN ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng C ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng C ông không th c hi n úng theo quy nh t i i u l Công ty và các quy nh pháp lu t có liên quan;
2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m quy nh c a pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b h y b theo quy t nh c a Tòa án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b h y b có th xem xét t ch c t i i h i ng c ông trong vòng chín m i (90) ngày theo trình t , th t c quy nh.

M c 2 - H i ng Qu n tr

i u 39. S l ng, nhi m k và nguyên t c c , ng c H i ng Qu n tr

1. H i ng Qu n tr là c quan qu n tr c a Công ty, có toàn quy n nhân danh Công ty quy t nh các v n liên quan n m c ích, quy n l i c a Công ty, tr nh ng

v n thu c th m quy n c a i h i ng C ông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị c th do i h i ng C ông Công ty quy t nh. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị c l p phi chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng t i thi u thành viên Hội đồng Quản trị c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.
3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là n m (05) n m. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá n m (05) n m, thành viên Hội đồng Quản trị có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Tr ng h p có thành viên c b u b sung ho c thay th thành viên Hội đồng Quản trị b m i n nhi m, bãi nhi m trong th i h n nhi m k thì nhi m k của thành viên ó là th i h n còn l i c a nhi m k Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị v a k t thúc nhi m k phi t i p t c ho t ng cho n khi Hội đồng Quản trị m i c b u và t i p qu n công vi c.
4. Nguyên t c c , ng c vào Hội đồng Quản trị :
 - a) Các Công n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên Hội đồng Quản trị .
 - b) Công ho c nhóm Công n m gi d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 01 thành viên;
 - c) Công ho c nhóm Công n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 02 thành viên;
 - d) Công ho c nhóm Công n m gi t 30% n d i 50% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 03 thành viên;
 - e) Công ho c nhóm Công n m gi t 50% n d i 65% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 04 thành viên;
 - f) Công ho c nhóm Công n m gi t 65% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c s thành viên d ki n b u.
5. Tr ng h p s l ng các ng viên Hội đồng Quản trị thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, Hội đồng Quản trị ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do Công ty quy nh. C ch c hay cách th c Hội đồng Quản trị ng nhi m c ng c viên Hội đồng Quản trị phi c công b rõ ràng và phi c i h i ng C ông thông qua tr c khi t i n hành c .
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn t cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các tr ng h p sau:
 - a) Thành viên ó không t cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, i u l này ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên Hội đồng Quản trị ;
 - b) Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c) Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a Hội đồng Quản trị có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

- d) Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a H i ng Qu n tr liên t c trong vòng sáu tháng, và trong th i gian này H i ng Qu n tr không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
- e) Thành viên ó b cách ch c thành viên H i ng Qu n tr theo quy t nh c a i h i ng C ông.

Các tr ng h p quy nh t i i m a, b, c, d trên ây, Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên ngay sau khi H i ng qu n tr có quy t nh xác nh n Thành viên ó ã không còn t cách thành viên mà không c n có s phê chu n c a i h i ng c ông.

i u 40. Quy n h n và nhi m v c a H i ng Qu n tr

H i ng Qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng v n thu c th m quy n c a i h i ng C ông, ch u trách nhi m tr c các C ông v k t qu ho t ng c a Công ty. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s qu n lý ho c ch o th c hi n c a H i ng Qu n tr .

Quy n h n và ngh a v c a H i ng Qu n tr do lu t pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng C ông quy nh. C th , H i ng Qu n tr có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

1. Trình i h i C ông thông qua:
 - a) nh h ng phát tri n c a Công ty;
 - b) K ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;
 - c) S a i, b sung i u l c a Công ty;
 - d) T ng, gi m v n i u l c a Công ty;
 - e) Các lo i c phi u có th phát hành và t ng s c phi u phát hành theo t ng lo i;
 - f) Phát hành trái phi u chuy n i và các ch ng quy n cho phép ng i s h u mua c phi u theo m c giá nh tr c;
 - g) M c c t c hàng n m;
 - h) Báo cáo tài chính ã c ki m toán hàng n m;
 - i) Ph ng án phân ph i, s d ng l i nhu n và trích l p các qu ;
 - j) L a ch n công ty ki m toán c l p cho n m tài chính t i p theo;
 - k) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n c a Công ty;
 - l) Các v n khác thu c th m quy n c a i h i ng C ông quy nh t i i u 29, i u l này và theo quy nh c a pháp lu t.
2. Qu n lý Công ty theo quy nh c a pháp lu t và i u l này vì l i ích c a Công ty, C ông;
3. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng C ông thông qua;
4. Quy t nh gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và công ngh ;
5. Giám sát T ng Giám c và các cán b qu n lý khác;

- h) Các văn kiện kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quy định nhậm chức nhân viên có trách nhiệm thu nộp trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
17. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Hội đồng Công vụ hoặc người có thẩm quyền giám sát của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát và nhân viên quản lý khác trong năm tài chính.
 18. Thời điểm các bộ phận hoặc cá nhân đi đến thực hiện nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá và phù hợp phù hợp của hệ thống quản trị rủi ro đã thực hiện trong Công ty;
 19. Phê duyệt các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám sát trình;
 20. Có quy định quy tắc quy định của Tổng Giám sát và Ban Tổng Giám sát trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy định nào, với điều kiện quy tắc đó là có cơ sở.
 21. Trong khi luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bổ nhiệm nhân viên cấp độ I và các cán bộ quản lý đi đến xử lý công việc thay thế cho Công ty.
 22. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc bất kỳ một quy định quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là Công dân nhân sự ít nhất 5% tổng số phần vốn thông hoặc người khác không phải là Công dân Công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán;
3. Có sức khỏe, có tác phong làm việc tốt, trung thực, liêm khiết;
4. Không có tình trạng làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) công ty khác;
5. Không có tình trạng là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đi đến theo pháp luật của một công ty phá sản hoặc bất kỳ một hoạt động doanh nghiệp vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không đi hành là thành viên không nắm giữ vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đi hành là thành viên Ban Tổng Giám sát, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị chấp nhận ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Là thành viên Hội đồng Quản trị không đi hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám sát, các Phó Tổng Giám sát, Kế toán trưởng và nhân viên quản lý khác của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
 - b) Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám sát, Tổng Giám sát, Phó Giám sát, Phó Tổng Giám sát của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty Cổ phần Kế toán Sài Gòn – Hà Nội nắm giữ kiểm soát;
 - c) Không phải là công nhân hoặc người đi đến của công nhân hoặc người có liên quan của công nhân của Công ty;

- d) Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tài vụ và pháp luật, kế toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
- e) Không phải là tác giả công trình có liên quan của tác giả có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoạt động giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

8. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 42. Chức danh, Phó Chức danh Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị bầu ra một Chức danh Hội đồng Quản trị và một số Phó Chức danh Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quá bán.
2. Trường hợp Hội đồng Công quy định khác, Chức danh Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty.
Chức danh Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Hội đồng Công thường niên.
3. Quy định và nhiệm vụ của Chức danh Hội đồng Quản trị:
 - a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Công, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - b) Triệu tập và Chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Công, triệu tập họp Hội đồng Công do Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập hoặc Hội đồng Quản trị triệu tập theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 1 này;
 - c) Chủ trì và điều hành, chỉ đạo tiến hành các cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Hội đồng Công;
 - d) Thực hiện ý kiến Hội đồng Quản trị báo cáo và báo cáo trong trường hợp không thực hiện Hội đồng Quản trị;
 - e) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc thực hiện giám sát việc thực hiện các văn bản đó;
 - f) Quyết định và thực hiện các văn bản của Hội đồng Quản trị quy định;
 - g) Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
 - h) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và tiến hành hoặc ủy thác các quy định của bộ máy điều hành Công ty nêu tại Pháp luật, Điều 1 này, Điều 1 này, Điều 1 này của Hội đồng Công, Điều 1 này, Điều 1 này, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - i) Ký văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị làm nhiệm vụ công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - j) Có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Công trình Hội đồng Công;
 - k) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều này và quy định của pháp luật.

4. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch trong mặt số lĩnh vực công phân công. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Phó Chủ tịch ủy quyền như người trong trường hợp Phó Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phi vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mặt khác những thành viên nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành nghề này, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ nhậm chức Phó Chủ tịch.

Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm mặt người khác trong số họ thể hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc atas quá bán.

Điều 43. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thể hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ này;
2. Thể hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
3. Bảo vệ, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
4. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phát triển, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai;
5. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước thị trường và trước Hội đồng Quản trị về những ý kiến của mình;
6. Thể hiện các Nghị quyết của Hội đồng và của Hội đồng Quản trị;
7. Hai thành viên Hội đồng Quản trị trở lên có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị bất thành;
8. Chấp hành các quy định của pháp luật và nội bộ này.
9. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nội bộ này.

Điều 44. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị nhận thù lao cho công việc của mình với cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao do Hội đồng Công quyết định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị không chỉ có thể làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thể hiện những công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của mặt thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được thêm tiền thù lao để đền bù những công việc ngoài giờ theo thỏa thuận, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc để hình thức khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thể hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm các chi phí trong việc đi các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Công. Các khoản chi phí này sẽ tính vào chi phí hoạt động của Công ty.

Thù lao của Hội đồng Quản trị phải thanh toán thành mức riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo Hội đồng Cổ đông tích hợp hàng năm.

Điều 45. Các quy định của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì quy định ưu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác theo quy định của pháp luật tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ. Các quy định này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất quyết định. Trường hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số ứng cử viên.
2. Các quy định khác: Hội đồng Quản trị họp năm ít nhất một lần (hoặc có thể ngắn hơn theo quy định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ) và có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh doanh và các công việc khác của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập các quy định của Hội đồng Quản trị, lập kế hoạch kinh doanh, tài chính và báo cáo tài chính năm (7) ngày trước ngày họp định kỳ.
3. Các quy định khác: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không có trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các ứng cử viên này vắng mặt hoặc vắng mặt không đúng quy định của pháp luật và các văn bản sau:
 - a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
 - b) Hai thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d) Các thành viên Ban Kiểm soát.
4. Các quy định của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3, Điều này phải tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có quyết định.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp hành nhiệm vụ triệu tập họp theo nghị quyết của Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; nếu nghị quyết của Chủ tịch được chấp hành theo quy định tại điều 3, Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Báo cáo tài chính: Các quy định của Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành báo cáo tài chính của Công ty hoặc những báo cáo khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các số liệu tài chính của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (5) ngày trước khi thực hiện họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và vì các lý do có thể có hiệu lực.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải làm bằng văn bản gửi Việt và phải thông báo về chương trình, thời gian, báo cáo tài chính, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự.

Thông báo miệng bằng gửi bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc những phương thức khác,

những phi bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.

8. Số thành viên tham dự thi:

- a) Cuộc họp của Hội đồng Quản trị theo quy định trong nội quy của Công ty khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua nghị quyết của Hội đồng.
- b) Trường hợp cuộc họp bất thường theo quy định tại mục a) khoản 8 điều này không có thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp bất thường. Trong trường hợp này, cuộc họp của Hội đồng hành xử như một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua nghị quyết của Hội đồng.

9. Biện pháp:

- a) Trường hợp tại mục b, khoản này, một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc nghị quyết của Hội đồng có một vi phạm cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một biện pháp; Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biện pháp thông qua biện pháp của Hội đồng.
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị không có biện pháp các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
Một thành viên Hội đồng không tính vào số người biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng có thể tham gia một cuộc họp Hội đồng Quản trị và nghị quyết nhưng thành viên đó không có quyền biện pháp;
- c) Theo quy định tại mục d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến một lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biện pháp của một thành viên mà những vấn đề đó không có gì quy định sự nguy hại quyền biện pháp của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ chuyển tới ủy ban và phân quyền của ủy ban liên quan tới các thành viên Hội đồng Quản trị khác có giá trị là quyền của cùng, trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan của công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị hàng loạt tham gia nghị quyết tại điều này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc hàng loạt tham gia nghị quyết hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Thành viên này có thể công khai điều kiện của cuộc họp ưu tiên của Hội đồng Quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biện pháp: Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên

50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.

12. Hội đồng quản trị có thể họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên vắng mặt khác nhau vì lý do khi nào là thành viên tham gia họp có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Nếu muốn, nghị sự có thể phát biểu về tất cả các thành viên tham dự khác mặt cách riêng.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện mặt cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể vì các số điện thoại này đi ra vào thì miễn thông qua thư điện tử hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Theo điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện của cuộc họp được thực hiện theo quy định này là điều kiện mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng thuận chấp thuận, hoặc nếu không có mặt nhóm này, là điều kiện mà Chủ tịch cuộc họp chỉ định.

Các quy định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được thực hiện và tiến hành mặt cách họp trực tiếp có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp này ngay lập tức khi nghị sự được ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều biện pháp cùng một văn bản nếu số lượng thành viên có mặt ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem xét những nội dung xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyên đi.

Biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ và chức danh của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày ký kinh doanh;

- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người chủ quy định họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các Nghị quyết, quyết định thông qua;
- i) Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người chủ quy định họp. Trưởng họp thành viên Hội đồng Quản trị dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi lý do thì các biểu quyết của thành viên đó về nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp có phải công bố nội dung cho công chúng không?

15. Nhiệm vụ của giám đốc điều hành Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể Hội đồng Quản trị mời các cuộc họp mà Hội đồng Quản trị yêu cầu thì sao? Nhiệm vụ của giám đốc điều hành không tham gia biểu quyết.
16. Trưởng họp không thể chấp hành, Chức vụ Hội đồng Quản trị quyết định việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt, mời thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Vấn đề này ý kiến Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngành ký kinh doanh;
 - b) Mục đích ủy quyền; Thời hạn ủy quyền;
 - c) Các nội dung ủy quyền các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền và biểu quyết tán thành hay không tán thành;
 - e) Họ tên, chữ ký của Chức vụ Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền.

Ban Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổng hợp vấn đề này ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị lập Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết phải chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày kết thúc việc ủy quyền.

Nghị quyết, các vấn đề này ý kiến và các tài liệu sử dụng trong việc ủy quyền thành viên Hội đồng Quản trị phải công bố nội dung cho công chúng không?

17. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể giám sát hoặc

nhi u thành viên c a H i ñg Qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t ñh c a H i ñg Qu n tr .

Trong quá trình th c hi ñn quy ñh ñn c u thác, các ti u ban ph i tuân th c các quy ñh mà H i ñg Qu n tr ñra. Các quy ñh này có th i u ch ñh ho c cho phép k t n p thêm nh ñng ñi không ph i là thành viên H i ñg Qu n tr vào các ti u ban ñâu trên và cho phép ñi ó c quy ñn bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ñng ph i m b o i u ki ñn sau:

- a) S l ñng thành vi ñn bên ngoài ít h ñn m t n a t ñng s thành viên c a ti u ban;
- b) ñh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i cu c h p c a ti u ban là thành viên H i ñg Qu n tr .

18. Giá tr pháp lý c a hành ñng: Các hành ñng th c thi quy t ñh c a H i ñg Qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ñg Qu n tr , ho c c a ñng i có t cách thành viên ti u ban H i ñg Qu n tr s c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ñng h p vi c b u, ch ñh thành viên c a ti u ban ho c H i ñg Qu n tr có th có sai sót.

i u 46. Thay th thành viên H i ñg Qu n tr

1. Ch t ch H i ñg Qu n tr mu n t ch c Ch t ch ph i có ñng i ñn H i ñg Qu n tr . Trong th i h ñn sáu m i (60) ngày k t ñng ñh ñn , H i ñg Qu n tr ph i t ch c h p xem xét quy t ñh và ti ñn hành các th t c mi ñn ñh m , b i ñh ñh m Ch t ch H i ñg Qu n tr theo quy ñh t i i u l này.

2. Tr ñng h p s thành viên H i ñg Qu n tr b gi m quá m t ph ñn ba (1/3) t ñng s thành viên do i h i ñg C ñng quy t ñh ho c không s thành viên H i ñg Qu n tr t i thi u theo quy ñh c a pháp lu t, thì trong th i h ñn sáu m i (60) ngày k t ñng ñh ñn không s l ñng thành viên H i ñg Qu n tr theo quy ñh, H i ñg Qu n tr ph i tri u t ph p i h i ñg C ñng b u b sung thành viên H i ñg Qu n tr .

3. Tr ñng h p Ch t ch H i ñg Qu n tr ñng ñh ñn m t t cách, t ch c, b b i ñh ñh m, m i ñn ñh m thì các thành viên còn l i c a H i ñg Qu n tr b u m t Phó Ch t ch thay th theo nguyên t c a s .

Tr ñng h p c Ch t ch và Phó Ch t ch H i ñg Qu n tr t ch c, b b i ñh ñh m ho c ñng ñh ñn m t t cách thì H i ñg Qu n tr ph i b u m t trong các thành viên còn l i thay th .

Vi c b u Ch t ch H i ñg Qu n tr m i thay th Ch t ch H i ñg Qu n tr b b i ñh ñh m, m i ñn ñh m ho c ñng ñh ñn m t t cách ph i c th c hi ñn trong th i h ñn ch m nh t m i (10) ngày k t ñng ñh ñn phát sinh s ki ñn này.

4. Trong tr ñng h p có thành viên H i ñg Qu n tr không còn t cách thành viên H i ñg Qu n tr , H i ñg Qu n tr có th b ñh ñh m thành viên H i ñg Qu n tr m i thay th ch tr ñng và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ñg C ñng ngay ti p sau ó. Sau khi c i h i ñg C ñng ch p thu n, vi c b ñh ñh m thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c H i ñg Qu n tr b ñh ñh m. Trong tr ñng h p i h i ñg c ñng không ch p thu n thì thành viên m i này s m t t cách thành viên H i ñg qu n tr , nh ñng nh ñng bi u quy t c a thành viên này trong th i gian t lúc H i ñg qu n tr b ñh ñh m ñn ngày i h i ñg c

ông ra quy t ̣nh không ch p thu n v n ̣c công nh n là có giá tr pháp lý và nh ng Ngh quy t, Quy t ̣nh c a H i ̣ng qu n tr ̣c thông qua trong th i gian này s không b vô hi u.

5. Nh ng ng i ̣c b u gi ch c Ch t ch và thành viên H i ̣ng Qu n tr ̣c có trách nhi m ti p nh n và ̣m nhi m ngay công vi c c a ch c danh ̣c b u. Ch t ch và các thành viên H i ̣ng Qu n tr ̣c b m i nhi m, b ̣i nhi m có trách nhi m bàn giao công vi c cho Ch t ch và các thành viên H i ̣ng Qu n tr ̣c m i ̣c b u; ng th i ph i ch u trách nhi m cá nhân ̣i v i các quy t ̣nh c a mình trong th i gian có t cách ̣m nhi m ch c danh ó.

i u 47. Ban th ký H i ̣ng Qu n tr

1. H i ̣ng Qu n tr ̣c có b ph n giúp vi c là Ban Th ký (ho c V n phòng H i ̣ng Qu n tr ̣c) làm vi c th ng xuyên t i Công ty. H i ̣ng Qu n tr ̣c b nhi m, b ̣i nhi m các cán b làm vi c t i Ban Th ký phù h p v i quy ̣nh c a Công ty và pháp lu t hi n hành.
2. Vai trò và nhi m v c a Ban Th ký:
 - a) Tr giúp t ch c các cu c h p c a H i ̣ng Qu n tr ̣c, Ban Ki m soát và i h i ng C ̣ông theo l nh c a Ch t ch H i ̣ng Qu n tr ̣c ho c Ban Ki m soát;
 - b) Ghi chép và l p biên b n các cu c h p c a H i ̣ng Qu n tr ̣c;
 - c) T v n v tình t , th t c các cu c h p i h i ng C ̣ông, H i ̣ng Qu n tr ̣c;
 - d) Thu th p tài li u, cung c p thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ̣ng Qu n tr ̣c và các thông tin khác cho thành viên H i ̣ng Qu n tr ̣c và Ban Ki m soát;
 - e) L u gi các tài li u, v n ki n c a i h i ng C ̣ông và H i ̣ng Qu n tr ̣c;
 - f) Th c hi n các công vi c, nhi m v khác theo s phân công c a H i ̣ng Qu n tr ̣c.
3. S l ng cán b làm vi c t i Ban Th ký, chi phí ho t ng, ti n l ng, th ng c a cán b làm vi c t i Ban Th ký do H i ̣ng Qu n tr ̣c quy t ̣nh. Các chi phí này ̣c h ch toán vào chi phí ho t ng c a Công ty.
4. Ng i làm vi c t i Ban Th ký không ̣c ng th i làm vi c cho Công ty ki m toán th c hi n vi c ki m toán Công ty.
5. Ban Th ký có trách nhi m b o m t thông tin theo quy ̣nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 48. B ph n Ki m toán n i b và Qu n tr r i ro c a H i ̣ng Qu n tr

1. B ph n Ki m toán n i b th c hi n ch c n ng c a mình trên nguyên t c c l p, trung th c, khách quan và b o m t. Các ch c n ng, nhi m v c th c a b ph n Ki m toán n i b nh sau:
 - a) ánh giá m t cách c l p v s phù h p và tuân th các chính sách pháp lu t, i u l , các quy t ̣nh c a i h i ng c ̣ông, H i ̣ng Qu n tr ̣c;
 - b) Ki m tra, xem xét và ánh giá s ̣y , hi u qu và hi u l c c a h th ng ki m soát n i b tr c thu c Ban T ̣ng Giám ̣c nh m hoàn thi n h th ng này;
 - c) ánh giá vi c tuân th c a ho t ng kinh doanh ̣i v i các chính sách và quy trình n i b ;

- d) Tham m u thi t l p các chính sách và quy trình n i b ;
- e) ánh giá vi c tuân th các quy nh pháp lu t, ki m soát các bi n pháp m b o an toàn tài s n;
- f) ánh giá ki m toán n i b thông qua tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- g) ánh giá quy trình xác nh, ánh giá và qu n lý r i ro kinh doanh;
- h) ánh giá hi u qu c a các ho t ng;
- i) ánh giá vi c tuân th các cam k t trong h p ng;
- j) Th c hi n ki m soát h th ng công ngh thông tin;
- k) i u tra các vi ph m trong n i b Công ty;
- l) Th c hi n ki m toán n i b Công ty và các công ty con.

2. Ch c n ng và nguyên t c ho t ng c a B ph n Qu n tr r i ro

- a) Quy nh chính sách, chi n l c qu n lý r i ro; các tiêu chu n ánh giá r i ro; m c r i ro t ng th c a Công ty và t ng b ph n trong Công ty;
- b) ánh giá m t cách c l p v s phù h p và tuân th các chính sách quy trình r i ro ã c thi t l p trong Công ty;
- c) Ki m tra, xem xét và ánh giá s y , hi u qu và hi u l c c a h th ng qu n tr r i ro th c thu c Ban T ng Giám c nh m hoàn thi n h th ng này;
- d) Ch c n ng khác c a Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

3. Yêu c u v nhân s c a B ph n Ki m toán n i b

- a) Không ph i là ng i ã t ng bi x ph t t m c ph t ti n tr lên i v i các hành vi vi ph m trong l nh v c ch ng khoán, ngân hàng, b o hi m, trong vòng n m (05) n m g n nh t tính t i n m c b nhi m;
- b) Tr ng B ph n Ki m toán n i b ph i là ng i có trình chuyên môn v lu t, k toán, ki m toán; Có kinh nghi m, uy tín, th m quy n th c thi có hi u qu nhi m v c giao;
- c) Không ph i là ng i có liên quan n các tr ng b ph n chuyên môn, ng i th c hi n nghi p v , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, Giám c Chi nhánh Công ty;
- d) Có Ch ng ch Nh ng v n c b n v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và Ch ng ch Pháp lu t v ch ng khoán và Th tr ng Ch ng khoán ho c Ch ng ch hành ngh ch ng khoán;
- e) Không kiêm nhi m các công vi c khác trong Công ty.

M c 3 - T ng Giám c và Cán b qu n lý khác

i u 49. T ch c b máy qu n lý

Công ty s ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m đ i s lãnh o c a H i ng Qu n tr .

Công ty có m t T ng Giám c và m t s Phó T ng Giám c và m t K toán tr ng do

Hội đồng Quản trị nhiệm vụ. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể ứng cử là thành viên Hội đồng Quản trị, và các Hội đồng Quản trị nhiệm vụ hoặc bãi miễn bằng nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 50. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Tổng Giám đốc và các sở chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ đăng tuyển và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị xuất tu theo thẩm định. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và trách nhiệm của Công ty theo các mức tiêu chuẩn.
2. Mục tiêu, tinh thần lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động và vị trí các bộ quản lý thực hiện quy định quản lý của Hội đồng Quản trị sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với nhân viên các bộ quản lý khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở chính sách của Công ty.

Điều 51. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là người đứng đầu hành động vì lợi ích kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trả lời nghĩa vụ người đi dân theo quy định;
 - c) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, điều 9, điều 1 này;
 - d) Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật;
 - e) Có sức khỏe, óc nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - f) Có bằng cấp hoặc trên lĩnh vực m trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quản trị kinh doanh;
 - g) Có chức năng hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc điều kiện cần để chấp hành hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 79 Luật Chứng khoán;
 - h) Không phải là người hành nghề bất UBCKNN thu hồi chức năng hành nghề theo

quy nh t i i m b, kho n 1, i u 80 Lu t Ch ng khoán;

- i) Có kinh nghi m ít nh t 03 n m làm công tác qu n lý, i u hành doanh nghi p;
- j) Không c ng th i làm T ng Giám c (Giám c) t i m t doanh nghi p khác.

i u 52. Quy nh n và nhi m v c a T ng Giám c

1. T ng Giám c có nh ng quy nh n và nhi m v sau:

- a) Th c hi n các Ngh quy t c a H i ng Qu n tr và i h i ng C ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng Qu n tr và i h i ng C ông thông qua;
- b) Quy t nh t t c các v n liên quan n ho t ng hàng ngày c a Công ty mà không c n ph i có Ngh quy t c a H i ng Qu n tr , bao g m v i c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t; ch u trách nhi m v k t qu ho t ng kinh doanh c a Công ty.
- c) Ki n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý thu c th m quy n b nhi m ho c mi n nhi m c a H i ng Qu n tr mà Công ty c n thuê H i ng Qu n tr b nhi m ho c mi n nhi m khi c n thi t nh m áp d ng các ho t ng c ng nh các c c u qu n lý t t do H i ng Qu n tr xu t, và t v n H i ng Qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;
- d) Quy t nh b nhi m ho c mi n nhi m; tuy n d ng và m c l ng áp d ng cho nh ng cán b qu n lý và các cán b nhân viên khác không thu c th m quy n b nhi m c a H i ng Qu n tr .
- e) Tham kh o ý ki n c a H i ng Qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nhi m, mi n nhi m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ;
- f) Vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, T ng Giám c ph i trình H i ng Qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi t i t cho n m tài chính t p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (5) n m;
- g) Th c thi k ho ch kinh doanh hàng n m c i h i ng C ông và H i ng Qu n tr thông qua;
- h) i di n Công ty ký k t các h p ng, tr tr ng h p thu c th m quy n c a H i ng Qu n tr ;
- i) xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
- j) Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng tháng c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng tháng c a Công ty theo k ho ch kinh doanh.

B n d toán hàng n m (bao g m c B ng cân i k toán; Báo cáo ho t ng s n xu t kinh doanh và Báo cáo l u chuy n ti n t d ki n) cho t ng n m tài chính s

ph i c trình H i ng Qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty.

- k) Ch u s ki m tra, giám sát c a H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát và các c quan Nhà n c khác có th m quy n i v i vi c th c hi n nhi m v i u hành c a mình;
 - l) Báo cáo H i ng Qu n tr , UBCKNN và các c quan Nhà n c khác có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t v k t qu ho t ng kinh doanh c a Công ty.
 - m) Ban T ng Giám c ph i thi t l p và duy trì h th ng th c thi qu n tr r i ro nh m m b o ng n ng a các r i ro có th nh h ng t i l i ích c a Công ty và khách hàng; thi t l p và duy trì h th ng ki m soát n i b bao g m c c u t ch c, nhân s c l p và chuyên trách. Các quy trình, quy nh n i b áp d ng i v i t t c các v trí, n v, b ph n và ho t ng c a Công ty nh m m b o m c tiêu theo quy nh c a pháp lu t;
 - n) Th c hi n các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i u l này và các quy ch c a Công ty, các Ngh quy t c a H i ng Qu n tr , h p ng lao ng c a T ng Giám c và pháp lu t.
2. Báo cáo lên H i ng Qu n tr và các C ông: T ng Giám c ch u trách nhi m tr c H i ng Qu n tr và i h i ng C ông v vi c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao và ph i báo cáo các c quan này khi c yêu c u.

i u 53. B nhi m, b i nhi m, m i n nhi m T ng Giám c

1. T ng Giám c sau khi có quy t nh b nhi m c a H i ng Qu n tr , c m nhi m ngay công vi c c a ch c danh m i c b nhi m; T ng Giám c c có trách nhi m bàn giao công vi c cho T ng Giám c m i x lý và ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh c a mình trong th i gian có t cách m nhi m ch c danh ó.
2. T ng Giám c b b i nhi m, m i n nhi m, ng nhiên m t t cách trong các tr ng h p sau:
 - a) Không có tiêu chu n và i u ki n làm T ng Giám c theo quy nh t i kho n 3, i u 50 i u l này;
 - b) Có n xin t ch c;
 - c) Không hoàn thành nhi m v c giao, Công ty làm n thua l hai n m liên t c;
 - d) Các tr ng h p khác theo Quy t nh c a H i ng Qu n tr và quy nh c a pháp lu t;
3. Tr ng h p T ng Giám c b b i nhi m, m i n nhi m, ng nhiên m t t cách theo quy nh t i kho n 2, i u này, H i ng Qu n tr ph i c ngay m t ng i có i u ki n theo quy nh t i i u l này m nhi m công vi c c a T ng Giám c;
4. Tr ng h p T ng Giám c mu n t ch c ph i có ng i H i ng Qu n tr xem xét quy t nh. n ngh c a T ng Giám c ph i g i ít nh t tr c sáu m i (60) ngày;

5. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc ban hành, miễn nhiệm, ngừng nhiệm vụ theo cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
6. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc khi có ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
Tổng Giám đốc bổ nhiệm có quy định về vị trí bổ nhiệm này tại Hội đồng Công ty theo quy định.
7. Khi tạm ngừng, miễn nhiệm, bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo UBCKNN.

Điều 54. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban chỉ đạo

Hội đồng Quản trị quy định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban chỉ đạo theo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, phải lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Hội đồng Công ty cuối năm kế hoạch.

Điều 55. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, nội bộ công ty, quy định của Hội đồng Công ty, quy định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và các ngành nghề kinh doanh khác trong công ty;
 - b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, công bố và xử lý các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của các tác nhân về các hoạt động này quy định.
 - c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy định về công nghệ nghiệp vụ;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định về bảo toàn tài chính;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế

- toán, kế toán; Có kinh nghiệm, uy tín, th m quy n th c thi có hi u qu nhi m v c giao;
- b) Không ph i là ng i có liên quan n các tr ng b ph n chuyên môn, ng i th c hi n nghi p v , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, Giám c chi nhánh trong công ty ch ng khoán;
 - c) Có Ch ng ch hành ngh ch ng khoán ho c Ch ng ch Nh ng v n c b n v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và Ch ng ch Pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán;
 - d) Không kiêm nhi m các công vi c khác trong Công ty.
3. Nhi m v c a H th ng th c thi Qu n tr r i ro:
- a) Xác nh chính sách th c thi và m c ch p nh n r i ro c a Công ty;
 - b) Xác nh r i ro c a Công ty;
 - c) o l ng r i ro;
 - d) Giám sát, ng n ng a, phát hi n và x lý r i ro.

M c 4 – Ban Ki m soát

i u 56. S l ng, nhi m k , nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát

1. Ban Ki m soát là c quan do i h i ng C ông b u ra, thay m t i h i ng C ông ki m soát m t cách c l p, khách quan và trung th c m i ho t ng kinh doanh, qu n tr và i u hành Công ty, ch u trách nhi m tr c i h i ng C ông trong th c hi n nhi m v c giao.
2. Ban Ki m soát có s thành viên ít nh t là 03 (ba) và nhi u nh t là 05 (n m) thành viên, s l ng c th do i h i ng C ông quy t nh. Các thành viên Ban Ki m soát ph i b u ra m t thành viên làm Tr ng ban. Tr ng Ban Ki m soát ph i ho t ng theo ch chuyên trách. Ban Ki m soát ph i có ít nh t m t thành viên có trình chuyên môn v tài chính k toán, thành viên này không ph i là nhân viên trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a Công ty kế toán c l p ang th c hi n vi c kế toán các Báo cáo tài chính c a Công ty.
3. Nhi m k c a Ban Ki m soát là n m (05) n m, các thành viên Ban Ki m soát có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Ban Ki m soát có cùng nhi m k v i H i ng Qu n tr c a Công ty. Tr ng Ban Ki m soát phân công công vi c cho các thành viên Ban Ki m soát và ch u trách nhi m v toàn b ho t ng c a Ban Ki m soát.
4. Thành viên Ban Ki m soát không c ng th i là thành viên H i ng Qu n tr , ng i i u hành, cán b qu n lý c a Công ty;
5. Nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát:
 - a) Các C ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c at ng ng i l i v i nhau c các ng viên Ban Ki m soát;
 - b) C ông ho c nhóm C ông n m gi d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t

trong 06 tháng liên tục có mặt (01) thành viên;

- c) Công hoc nhóm Công n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t c c hai (02) thành viên;
- d) Công hoc nhóm Công n m gi t 30% n d i 50% s c ph n có quy n bi u quy t c c ba (03) thành viên;
- e) Công hoc nhóm Công n m gi t 50% n d i 65% s c ph n có quy n bi u quy t c c ba (04) thành viên;
- f) Công hoc nhóm Công n m gi t 65% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c c s thành viên đ ki n b u.

6. i u ki n làm thành viên Ban Ki m soát:

- a) T 21 tu i tr lên, có y n ng l c hành vi dân s và không thu c các i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
- b) Không ph i là ng i có liên quan c a thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và ng i qu n lý khác;
- c) Có s c kh e, ph m ch t o c t t, trung th c và hi u bi t pháp lu t;
- d) Có trình chuyên môn v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán;
- e) Có trình chuyên môn hoc kinh nghi m ngh nghi p v k toán, ki m toán hoc trình chuyên môn, kinh nghi m th c t trong ngành tài chính, ngân hàng;

7. Thành viên Ban Ki m soát không còn t cách thành viên trong các tr ng h p sau:

- a) Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban Ki m soát;
- b) Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính cho Công ty;
- c) Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban Ki m soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
- d) Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban Ki m soát trong vòng sáu tháng liên t c, và trong th i gian này Ban Ki m soát không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy tr ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
- e) Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban Ki m soát theo quy t nh c a i h i ng Công.

Các tr ng h p quy nh t i i m a, b, c, d trên ây, thành viên Ban Ki m soát s không còn t cách thành viên ngay sau khi H i ng qu n tr có quy t nh xác nh n thành viên ó ã không còn t cách thành viên mà không c n có s phê chu n c a H C .

i u 57. Quy n h n và nhi m v c a Ban Ki m soát

- 1. Giám sát hoc t ng và vi c tuân th các quy nh c a pháp lu t và i u l này trong vi c qu n lý và i u hành Công ty i v i các thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c, các Phó T ng Giám c, K toán tr ng c a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i;
- 2. Ki m tra hoc t ng tài chính c a Công ty; giám sát vi c ch p hành ch h ch toán, hoc t ng c a h th ng ki m tra và ki m soát n i b c a Công ty;

3. Thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty; kiểm tra tính đúng đắn của các tài liệu liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty khi xét thẩm định theo quy định của Hội đồng Công hoc theo yêu cầu của Công đồng, nhóm Công quy định khoản 2, điều 25, điều này;
4. Báo cáo Hội đồng Công v kiểm tra thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ tin cậy trong công tác quản lý, điều hành hoạt động, công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Tham gia tuyên truyền báo cáo Hội đồng Quản trị kiểm tra hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng Công;
6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào cần xét thẩm định theo quy định của Hội đồng Công hoc theo yêu cầu của Công đồng hoc nhóm Công quy định khoản 2, điều 25, điều này;
7. Xuất lập các khoản Công ty kiểm toán nội bộ, mức phí kiểm toán và mức liên quan đến rút lui hay bất cứ nhiệm vụ của Công ty kiểm toán nội bộ; Thon luận về kiểm toán viên nội bộ về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
8. Khi có yêu cầu của Công đồng hoc nhóm Công theo quy định khoản 2, điều 25, điều này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo ghi trình về những vấn đề yêu cầu kiểm tra của Hội đồng Quản trị và Công đồng, nhóm Công có yêu cầu.
9. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định khoản này không được can thiệp vào hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không làm gián đoạn hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.
10. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoc Hội đồng Công các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải thiện hoạt động tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật;
11. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định điều 119 Luật Doanh nghiệp hoc thực hiện công việc vượt quá thẩm quyền giao thì phải thông báo ngay bằng văn bản về Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi pháp khắc phục hậu quả;
12. Thon luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kiểm tra kiểm toán gia khách hoc chủ tịch công nhân viên mà kiểm toán viên nội bộ mu n bàn bạc;
13. Xem xét thẩm định quản lý của kiểm toán viên nội bộ và ý kiến phê bình của Ban điều hành;
14. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
15. Xem xét những kiểm tra điều tra nội bộ và ý kiến phê bình của Ban điều hành;
16. Ban Kiểm soát có quy định nội dung nội bộ thực hiện các nhiệm vụ giao;
17. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật và điều này.

điều 58. Quy định và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quy định sau:
 - a) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập hội đồng công bố thành quả theo quy định tại Điều 2 của Luật này và Điều 3, Điều 30 của Luật này;
 - b) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Chịu trách nhiệm trước các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quy định của Ban Kiểm soát;
 - e) Mời Hội đồng Quản trị phê duyệt dự án lý do ngừng hoạt động pháp lý của pháp luật và Điều 5;
 - f) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trình lên hội đồng công bố;
 - g) Ủy quyền cho một thành viên Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quy định như sau:
 - a) Báo cáo, nhiệm vụ, báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát;
 - b) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, báo cáo tài chính và kiểm tra các sai phạm của công ty;
 - c) Các quy định yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và ghi chép các hoạt động kinh doanh;
 - d) Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về tình hình tài chính hoạt động, chịu trách nhiệm cá nhân về tình hình đánh giá và kết luận của mình trước hội đồng công bố;
 - e) Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát;
 - f) Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quy định của Hội đồng Quản trị, các quy định ghi ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và các tài liệu báo cáo trước hội đồng công bố;
 - g) Hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trình có quy định Hội đồng Quản trị phê duyệt dự án lý do ngừng hoạt động công bố thành quả trong hoạt động Hội đồng Quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều 3, Điều 30 của Luật này;
 - h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty. Trưởng ban phải đưa ra hoặc không chấp thuận kiến nghị lý do về những sai phạm sai phạm thuộc trách nhiệm liên quan khi thực hiện nhiệm vụ;
 - i) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều 5 này.

đ i u 59. Quy n c cung c p thông tin c a Ban Ki m soát

1. Thông báo m i h p, phi u l y ý ki n thành viên H i ng Qu n tr và các tài li u kèm theo c g i n thành viên Ban Ki m soát cùng th i i m và ph ng th c nh i v i thành viên H i ng Qu n tr .
2. Báo cáo c a T ng Giám c trình H i ng Qu n tr ho c tài li u khác do Công ty phát hành c g i n thành viên Ban Ki m soát cùng th i i m và theo ph ng th c nh i v i thành viên H i ng Qu n tr .
3. Thành viên Ban Ki m soát có quy n ti p c n các h s , tài li u c a Công ty l u tr t i tr s chính, chi nhánh và các a i m khác.
4. H i ng Qu n tr , thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và ng i qu n lý khác ph i cung c p y , chính xác và k p th i các thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty theo yêu c u c a Ban Ki m soát, ph i b o m r ng t t c các b n sao ch p các thông tin tài chính và các thông tin khác c cung c p cho các thành viên H i ng Qu n tr c ng nh các biên b n h p H i ng Qu n tr s c cung c p cho thành viên Ban Ki m soát vào cùng th i i m cung c p cho các thành viên H i ng Qu n tr .

đ i u 60. Thay th thành viên Ban Ki m soát

1. Thành viên c a Ban Ki m soát s ng nhiên b m t t cách ho c b bãi nhi m, mi n nhi m ch c danh theo quy nh t i kho n 7, đ i u 54 t i đ i u l này.
2. Tr ng h p Ban Ki m soát vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a mình có nguy c gây thi t h i cho Công ty thì H i ng Qu n tr tri u t p i h i ng C ông xem xét mi n nhi m Ban Ki m soát ng nhi m và b u Ban Ki m soát m i thay th .
3. Trong th i h n không quá 15 ngày k t ngày Tr ng Ban Ki m soát b ng nhiên m t t cách thành viên Ban Ki m soát, các thành viên Ban Ki m soát có trách nhi m t ch c h p Ban Ki m soát b u m t thành viên Ban Ki m soát (tiêu chu n, đ i u ki n theo quy nh hi n hành) làm Tr ng Ban Ki m soát.
4. Tr ng Ban Ki m soát mu n t ch c Tr ng ban, ph i có ng i n H i ng Qu n tr và Ban Ki m soát. Trong th i h n sáu m i (60) ngày k t ngày nh n n, Ban Ki m soát ph i t ch c h p xem xét quy t nh và t i n hành các th t c mi n nhi m, bãi nh i m Tr ng Ban Ki m soát theo quy nh hi n hành.
5. Tr ng h p b gi m quá m t ph n ba (1/3) s thành viên Ban Ki m soát trong th i h n không quá 60 ngày k t ngày không s thành viên Ban Ki m soát theo quy nh, Ban Ki m soát ph i ngh H i ng Qu n tr tri u t p i h i ng C ông b u b sung thành viên Ban Ki m soát.
6. Trong các tr ng h p khác, cu c h p g n nh t c a i h i ng C ông s b u thành viên Ban Ki m soát m i thay th cho thành viên Ban Ki m soát b mi n nhi m, bãi nhi m ho c b sung nh ng thành viên còn thi u.

i u 61. Các cu c h p Ban Ki m soát

1. Cu c h p th ng k : Ban Ki m soát h p nh k m i quý m t l n (ho c có th ng n h n theo quy t nh c a Tr ng Ban Ki m soát trong m i nhi m k) và có th c tri u t p h p b t th ng k p th i gi i quy t nh ng công vi c t xu t.
2. Cu c h p b t th ng: Cu c h p b t th ng c a Ban Ki m soát c ti n hành theo ngh c a:
 - a) Ch t ch H i ng Qu n tr ;
 - b) Ít nh t hai ph n ba s thành viên H i ng Qu n tr ;
 - c) Tr ng Ban Ki m soát;
 - d) Ít nh t hai ph n ba s thành viên Ban Ki m soát tr lên;
 - e) T ng Giám c.
3. Trong th i h n 15 ngày, k t ngày nh n c v n b n ngh h p Ban Ki m soát b t th ng c a m t trong các i t ng nêu t i i m a, b, d, e c a kho n 2, i u này, Tr ng Ban Ki m soát ph i tri u t p và ti n hành cu c h p Ban Ki m soát b t th ng. Tr ng h p, sau hai l n ngh k t i p mà Tr ng Ban Ki m soát không tri u t p cu c h p Ban Ki m soát, H i ng Qu n tr và các thành viên Ban Ki m soát ti n hành h p Ban Ki m soát x lý công vi c, ng th i quy t nh vi c m i n nhi m, bãi nhi m ch c danh Tr ng ban, b u m t thành viên Ban Ki m soát m b o các i u ki n gi ch c danh Tr ng ban.
4. a i m h p: Các cu c h p Ban Ki m soát s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty.
5. Thông báo và Ch ng trình h p: Cu c h p Ban Ki m soát c ti n hành sau 5 ngày k t ngày g i thông báo cho các thành viên Ban Ki m soát. Thông báo v cu c h p Ban Ki m soát c làm b ng v n b n ti ng Vi t, trong ó nêu rõ v : ch ng trình h p, th i gian, a i m và ph i c kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p Ban Ki m soát và c các phi u b u cho nh ng thành viên Ban Ki m soát không th d h p. Nh ng thành viên Ban Ki m soát này s g i phi u b u cho Ban Ki m soát tr c khi h p.
6. S thành viên t i thi u tham d các cu c h p: Cu c h p Ban Ki m soát c ti n hành khi có t hai ph n ba (2/3) s thành viên Ban Ki m soát tr lên tr c ti p tham d ho c qua ng i thay th là m t trong các thành viên Ban Ki m soát c u quy n.
Tr ng h p tri u t p h p Ban Ki m soát nh k l n u nh ng không s thành viên tham d theo quy nh, Tr ng Ban Ki m soát ph i tri u t p t i p cu c h p Ban Ki m soát l n hai trong th i gian không quá 15 ngày ti p theo.
Sau hai l n tri u t p h p Ban Ki m soát không s thành viên tham d , Tr ng Ban Ki m soát ph i thông báo cho H i ng Qu n tr bi t và ngh tri u t p i h i ng Công b t th ng trong th i h n không quá 30 ngày ti p theo Công xem xét t cách c a các thành viên Ban Ki m soát.
7. Bi u quy t:

- a) Mọi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có mặt phải tuân theo quy tắc kỷ luật của Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết cá nhân bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là ít nhất có quyền tham gia biểu quyết) thay thế biểu quyết.
- b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền liên quan tới việc công bố của Ban Kiểm soát quy định sẽ không có quyền tham gia biểu quyết nội bộ và không có tính vào số lượng biểu quyết có mặt tại cuộc họp, ngay khi công bố không công nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác tham gia biểu quyết nội bộ.
- c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh từ một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không có thành viên Ban Kiểm soát có thẩm quyền giải quyết bằng cách chấp thuận biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Hội đồng Quản trị.
- Phán quyết của Hội đồng Quản trị sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận cuối cùng khi bắt đầu hoặc chấm dứt quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó của công ty.
- d) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng có hiệu lực trong khoản 1, điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ coi là có quyền lợi về mặt vật chất liên quan.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết cá nhân có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng kinh doanh hoặc một thỏa thuận kinh doanh với Công ty phải khai báo bắt đầu tuân thủ quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, thì Ủy ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ xem xét vì có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó cá nhân hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết công ty đã có quyền lợi liên quan.
9. Biểu quyết ẩn: Quy định của Ban Kiểm soát sẽ thông qua nếu các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đồng ý chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Ban Kiểm soát ủy quyền Hội đồng Quản trị (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
10. Trường hợp Ban Kiểm soát lý do kinh doanh văn bản thông qua quy định về mặt văn bản thì quy định coi là có giá trị ngay khi một quy định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp công khai và được thông qua, như:
- a) Các số bất kỳ bằng văn bản của các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết nội bộ công bố xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quy định tham gia biểu quyết bằng văn bản phải áp dụng cho các thành viên bất cứ khi nào có tiến hành họp Ban Kiểm soát.

11. Biên bản họp Ban Kiểm soát: các cuộc họp Ban Kiểm soát phải ghi chép vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát có nội dung về việc và phải có tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản.

Chức vụ của các thành viên có trách nhiệm ban chấp hành và giám đốc biên bản của các cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khi cần liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ghi biên bản.

Điều 62. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát sẽ hưởng lương theo quy định của Hội đồng Công, các thành viên Ban Kiểm soát khác sẽ hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng Công quy định.
2. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ thanh toán các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích và chi phí hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng Công có quy định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động trả cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định. Số tiền thù lao và chi phí hoạt động mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát nhận, sẽ nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Mục 5 - Nghĩa vụ của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành Công ty

Điều 63. Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ vượt cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của các thành viên mà họ đang đại diện trong trường hợp có khi những nhiệm vụ trên vượt quá và trong hoàn cảnh nhất định.

Điều 64. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; những thì không được sử dụng những thông tin có

nh chức vụ của mình, tài sản cá nhân hay phạm vi lợi ích cá nhân cho cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể hình thành thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch cho cá nhân khác. Nếu người nêu trên che giấu những tình huống khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định thì không truy cứu trách nhiệm này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Hội đồng Công ty có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ của Công ty, tác nhân, đại lý, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không vô hiệu hoá vì những mối quan hệ này, hoặc vì thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý đó có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện những hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phi vụ của họ được tính khi bị quy định về mặt lợi ích đó, như:
 - a) Nếu việc hợp đồng có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về việc hợp đồng hoặc giao dịch của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan.
Nếu thì, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đã cho phép thực hiện những hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b) Nếu việc những hợp đồng có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về việc hợp đồng hoặc giao dịch này của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các Công ty không có lợi ích liên quan có quy định bị quy định về vấn đề đó, và những Công ty đó đã phi vụ tán thành những hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một phần chi tiêu về chi phí cho là công bằng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan đến các Công ty của Công ty vào thời điểm giao dịch của hợp đồng này của Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực tiếp của Hội đồng Quản trị hay các Công ty cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các chứng khoán của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có những thông tin chưa công bố gây nên những biến động giá của chứng khoán đó và các Công ty khác thì không bị thông tin này.

i u 65. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ vì Công ty, bao gồm:
 - a) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, chiếm hữu cổ phần, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 5% vốn nội của doanh nghiệp, tổ chức đó; tài sản và thu nhập từ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - c) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng chiếm hữu cổ phần vốn góp trên 35% vốn nội.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1, điều này phải thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Trường hợp có sai sót, bổ sung thì phải thông báo vì Công ty trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh sai sót, bổ sung.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1, 2, điều này phải báo cáo tới Hội đồng Công ty hàng năm gắn liền với hồ sơ thông báo hàng năm cho Công ty và các niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc đại diện hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty ưu tiên gì đi trình bày chức năng, nội dung của công việc đó trừ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chức vụ thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ công việc đó thuộc về Công ty.

i u 66. Trách nhiệm và thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm và thiệt hại:

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sơ suất quản lý, quản lý kém và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vì phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện, đang hoặc có thể sẽ tiến hành cho dù đây là vì lợi ích dân sự, hành chính (mà không phải là vì lợi ích kinh tế do Công ty thực hiện) hay thu nhập khi xin cấp của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc

ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty (hay công ty con c a Công ty) v i t cách thành viên H i ng Qu n tr , thành viên Ban Ki m soát, T ng Giám c và cán b qu n lý, nhân viên ho c i di n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác.

Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v i c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có s phát hi n hay xác nh n nào r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Công ty có quy n mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

i u 67. Các h p ng, giao d ch ph i c i h i ng C ông, H i ng Qu n tr ch p thu n

1. H p ng, giao d ch gi a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i v i các i t ng sau ây ph i c i h i ng C ông ho c H i ng Qu n tr ch p thu n:
 - a) C ông, ng i i di n c u quy n c a C ông s h u t 35% t ng s c ph n ph thông c a Công ty tr lên và nh ng ng i liên quan c a h ;
 - b) Thành viên H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát ho c T ng Giám c và nh ng ng i có liên quan;
 - c) Doanh nghi p quy nh t i kho n 1, i u 63 i u l này.
2. i v i h p ng và giao d ch khác có giá tr t 50% tr lên trên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong Báo cáo tài chính g n nh t thì ph i c i h i ng C ông ch p thu n tr c khi ký.

H i ng Qu n tr trình d th o h p ng ho c gi i trình v n i dung ch y u c a giao d ch t i cu c h p i h i ng C ông ho c l y ý ki n C ông b ng v n b n.

3. i v i h p ng và giao d ch khác có giá tr nh h n 50% trên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong Báo cáo tài chính g n nh t thì ph i c H i ng Qu n tr ch p thu n tr c khi ký. Tr ng h p này T ng Giám c ph i gi i n các thành viên H i ng Qu n tr , niêm y t t i tr s chính, chi nhánh c a Công ty d th o h p ng ho c thông báo n i dung ch y u c a giao d ch.

H i ng Qu n tr quy t nh vi c ch p thu n h p ng ho c giao d ch trong th i h n 15 ngày k t ngày niêm y t. Thành viên H i ng Qu n tr có l i ích liên quan không c phép tham gia bi u quy t

4. Tr ng h p, h p ng, giao d ch c ký k t mà ch a c i h i ng C ông ho c H i ng Qu n tr ch p thu n theo quy nh t i kho n 2, 3, i u này thì h p ng, giao d ch ó vô hi u và c x lý theo quy nh c a pháp lu t. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty, C ông, thành viên H i ng Qu n tr ho c T ng Giám c có liên quan ph i b i th ng thi t h i phát sinh, hoàn tr cho Công ty các kho n l i thu c t v i c th c hi n h p ng giao d ch ó.

M c 6 - Quy n i u tra s sách và h s c a Công ty

i u 68. Quy n i u tra s sách và h s

1. Công ho c nhóm Công quy nh t i kho n 2, i u 25, i u l này có quy n tr c ti p ho c qua lu t s ho c ng i c u quy n, g i v n b n yêu c u c ki m tra danh sách Công, các biên b n c a i h i ng Công và sao ch p ho c trích l c các h s ó trong gi làm vi c t i tr s chính c a Công ty. Yêu c u ki m tra do phía lu t s i đi n ho c i đi n c u quy n khác c a Công ph i kèm theo gi y u quy n c a Công mà ng i ó i đi n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.
2. Thành viên H i ng Qu n tr , thành viên Ban Ki m soát, T ng Giám c và cán b qu n lý có quy n ki m tra s ng ký Công c a Công ty, danh sách Công và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.
3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i, b sung i u l , Gi y phép thành l p và ho t ng, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng Công và H i ng Qu n tr , các báo cáo c a Ban Ki m soát, Báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các Công và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.
4. Công có quy n c Công ty c p mi n phí m t b n i u l . i u l này c ng c công b trên website c a Công ty: www.shs.com.vn.

M c 7 - Ng i lao ng và công oàn

i u 69. Ng i lao ng và công oàn

T ng Giám c ph i l p k ho ch H i ng Qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c tuy n d ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng b ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

CH NG V

C CH TÀI CHÍNH

M c 1 - H th ng k toán và n m tài chính

i u 70. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s d ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính

xác, chấp nhận, có hình thức và phi chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng nghiệp vụ tài chính trong kế toán.

Điều 71. Nhiệm vụ tài chính

Nhiệm vụ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đầu lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 đầu lịch cùng năm. Nhiệm vụ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày chấp nhận Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm của Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 72. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sử dụng tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài chấp thuận tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sử dụng tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Mục 2 - Con dấu và kiểm toán

Điều 73. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng Công, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật và Quy chế của Công ty.

Điều 74. Kiểm toán

1. Trên cơ sở xu hướng của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Công quy định nhiệm vụ kiểm toán nội bộ của Công ty chấp thuận theo hình thức pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán của Công ty cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định của pháp luật này và quy định có liên quan của pháp luật đã đề cập trên nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Công ty kiểm toán phi độc lập có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có quy định.

Đối với năm tài chính ưu tiên, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định công ty kiểm toán tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi chấp nhận Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Công ty sẽ phê chuẩn và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán nội bộ sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán nội bộ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phi độc lập có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

- M t b n sao c a báo cáo ki m toán s ph i c g i ính kèm v i m i b n báo cáo k toán hàng n m c a Công ty.
- Ki m toán viên th c hi n vi c ki m toán Công ty s c phép tham d các cu c h p i h i ng C ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng C ông mà các C ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

i u 75. H th ng Ki m soát n i b

- Công ty ph i thi t l p và duy trì h th ng Ki m soát n i b c l p và chuyên trách. H th ng Ki m soát n i b ph i c thi t l p t i tr s chính, chi nhánh c a Công ty. H th ng Ki m soát n i b ph i ch u s i u hành, qu n lý c a T ng Giám c.
- Ng i làm vi c trong Ban Ki m soát n i b ph i áp ng y các i u ki n theo quy nh c a Lu t Ch ng khoán và các v n b n h ng d n có liên quan;
- Quy trình Ki m soát n i b c l p chính th c b ng v n b n và c công b trong n i b Công ty.
- M i nhân viên c a Công ty u ph i tuân th h th ng Ki m soát n i b .
- nh k Công ty t i n hành ki m tra và nâng cao hi u qu c a các bi n pháp Ki m soát n i b .
- B ph n Ki m soát n i b ch u trách nhi m m b o h th ng ki m soát n i b c tuân th , nh k báo cáo k t qu lên T ng Giám c Công ty nâng cao hi u qu c a các bi n pháp ki m soát n i b .

M c 3 - S d ng v n và phân chia l i nhu n

i u 76. S d ng v n

- Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i c s d ng v n ph c v ho t ng kinh doanh, u t xây d ng, mua s m tài s n c nh theo quy nh c a pháp lu t.
- Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i c quy n thay i c c u v n và tài s n ph c v cho vi c phát tri n ho t ng theo quy nh c a pháp lu t.
- Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i c i u ng v n và tài s n gi a các công ty tr c thu c có t cách pháp nhân, h ch toán c l p.

i u 77. Trích l p các Qu

- Vi c trích l p qu c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t và do i h i ng C ông Công ty quy t nh. Hàng n m sau khi th c hi n ngh a v tài chính i v i Nhà n c, Công ty trích t l i nhu n sau thu l p các qu nh sau:
 - Qu d tr b sung v n i u l : Công ty ph i trích t l i nhu n sau thu m t kho n vào qu d tr b sung v n i u l theo quy nh c a pháp lu t. Kho n trích này b ng 05% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 100% v n i u l c a Công ty;
 - Qu d phòng tài chính và r i ro nghi p v : Công ty ph i trích t l i nhu n sau thu m t kho n vào qu d phòng tài chính và r i ro nghi p v theo quy nh c a

pháp luật. Khoản trích này bằng 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và các trích cho nhân viên phòng bằng 10% và nhân viên của Công ty;

- c) Quỹ phòng ngừa giá trị tài sản;
- d) Quỹ khen thưởng;
- e) Quỹ phúc lợi;
- f) Các quỹ khác nếu có do Hội đồng Quản trị kiến nghị và ủy quyền Công đồng phê duyệt hàng năm.

2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ như trên khoản 1, nêu này các thành viên theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 78. Các tài sản

1. Các tài sản chia theo quy định của ủy quyền Công đồng trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Công ty chỉ có trách nhiệm cho Công đồng khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp lỗ (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị có thể quy định thanh toán các cổ đông khi xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.
3. Các tài sản cho các phần ưu đãi các thành viên theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại phần ưu đãi.
4. Các tài sản có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng các phần của Công ty Công đồng Sài Gòn – Hà Nội hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị kiến nghị và ủy quyền Công đồng quy định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì các thành viên bằng Ngân Việt Nam và có thể thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Công đồng.
5. Các tài sản có thể thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có chi tiết tài khoản ngân hàng của Công đồng có thể chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của Công đồng tại ngân hàng.

Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết tài khoản ngân hàng như thông báo của Công đồng.

Trường hợp phiếu của Công ty Công đồng Sài Gòn – Hà Nội các niêm yết tại SGDC/TTGDCK thì việc thanh toán các cổ đông về việc các phần này có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của ủy quyền Công đồng, Hội đồng Quản trị có thể quy định và thông báo rằng những người sở hữu các phần thông tin về các thành viên các phần thông tin thay cho các thành viên tiền mặt.

Các phần bổ sung về các tài sản này các ghi là những phần đã thanh toán về tiền mua trên cơ sở giá trị của các phần về các phần về tiền mặt về các tài sản.

7. Hội đồng Quản trị lập danh sách Công đồng các thành viên, xác định mức các tài sản về việc về các phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả các tài sản. Thông báo về các tài sản về các công khai ghi nội dung các Công đồng chậm nhất 15 ngày trước khi thanh toán về các tài sản. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty,

tên và địa chỉ của Công ty, số phận và lợi ích của Công ty, mục đích và vị trí lợi ích phần và tài sản của Công ty, số vốn, thị trường và phương thức chuyển đổi.

8. Công ty không trả lãi cho bất kỳ khoản nợ hay khoản tín nào khác mà Công ty chấp nhận khi nhận chuyển đổi.
9. Công ty chuyển nhượng các phần của mình trong thị trường giá trị thị trường để thúc đẩy danh sách Công ty chấp nhận và thị trường, thì người chuyển nhượng là người nhận chuyển đổi Công ty.
10. Các Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày để làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Các theo ngày đó, những người ký viết cách Công ty hoặc người sử dụng các chứng khoán khác quy định nhận, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận phí, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thị trường khi các quy định đó có thể hiển thị. Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng chứng khoán hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 79. X lý lý trong kinh doanh

Trên hợp Công ty bị lỗi, lỗi nhận chuyển đổi số lượng trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp có Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 80. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể hiển thị theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 81. Các Báo cáo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của UBCKNN và báo cáo phân tích kinh doanh theo quy định tại Điều 72, Điều này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm để công bố thông tin Công ty thông qua cơ quan thẩm định quy định, UBCKNN, SGDC/TTGDCK và cơ quan ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi ích của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thị trường báo cáo, báo cáo lưu chuyển tài sản và thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trên hợp Công ty là một công ty mở, ngoài Báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối nhiệm kỳ tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của UBCKNN

và nộp cho UBCKNN và SGDCK/ TTGDCK.

4. Bên nộp tờ khai dung Báo cáo tài chính hàng năm sẽ kê khai minh toán phần công nợ tài trợ các Công ty và các công bố trên nhật báo các báo pháp luật và các báo kinh tế trung ương trong vòng ba tháng liên tiếp. Các Báo cáo tài chính kê khai minh toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phần công bố trên website: www.shs.com.vn
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kê khai minh toán Báo cáo tài chính hàng năm sẽ kê khai minh toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì các Công ty, tổ chức chính của Công ty và phần trăm cổ phần lý do cho việc sao chép.

Điều 82. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phần công bố ra công chúng các Báo cáo tài chính hàng năm và tài liệu bổ sung khác theo quy định của các quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho UBCKNN, cơ quan thuế quan, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TỔNG CỤC, GIỚI THIỆU VÀ PHÂN SẴN CÔNG TY

Điều 83. Tổng cục

Việc chia tách, sáp nhập, sắp xếp và chuyển đổi Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Chế độ thông tin và giới thiệu Công ty

1. Công ty có thể giới thiệu hoặc chế độ thông tin trong những trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi giải thể;
 - b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giới thiệu trực tiếp theo quy định của Hội đồng Công ty;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Công ty có thể giới thiệu trực tiếp theo quy định của Hội đồng Công ty trong những trường hợp sau:
 - a) Mục tiêu của Công ty không thực hiện được;
 - b) Công ty bị thua lỗ từ 3/4 vốn điều lệ;
 - c) Có yêu cầu chính đáng của Công ty/nhóm Công ty đi kiện cho ít nhất 2/3 số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
3. Việc giới thiệu Công ty trực tiếp do Hội đồng Công ty quy định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quy định giới thiệu này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật (nếu có).
4. Tất cả, trình tự giới thiệu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

i u 85. Thanh lý Công ty

1. T i thi u sáu tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng Qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m 03 thành viên. Hai thành viên do i h i ng C ông ch nh và m t thành viên do H i ng Qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên trong Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. Ti n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Ti n l ng và chi phí b o hi m cho cán b nhân viên;
 - c) Thu và các kho n n p có tính c h t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
 - d) Các kho n vay (n u có);
 - e) Các kho n n khác c a Công ty;
 - f) S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n quy nh t i i m này s c phân chia cho các C ông. Các c ph n u ã s u tiên thanh toán tr c.

i u 86. Phá s n Công ty

V i c phá s n Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

i u 87. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng Qu n tr và C ông

Các C ông n m gi m t n a s c phi u ang l u hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng Qu n tr có quy n n khi u n i t i toà yêu c u gi i th theo m t hay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên H i ng Qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty d n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H i ng Qu n tr ho t ng.
2. Các C ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh t i n hành b u thành viên H i ng Qu n tr .
3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh C ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th C ông.

CHƯƠNG VIII
GIỚI QUY TRÌNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 88. Giới quy trình tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quy định của các Công đồng phát sinh từ nội bộ hay từ bộ phận quy định hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác, gồm:
 - a) Công đồng viên Công ty; hoặc
 - b) Công đồng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác.Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ xử lý việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bộ phận bên nào có thể yêu cầu Hội đồng Công đồng chọn mời chuyên gia độc lập hành động với cách là trình tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không thực hiện quy trình hoà giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy trình trung gian hoà giải không thực hiện các bên chấp nhận, bộ phận bên nào có thể đưa tranh chấp đó ra Trình tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thực hiện thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG IX
I U KHOẢN THI HÀNH

Điều 89. Bổ sung và sửa đổi

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều này phải chờ Hội đồng Công xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan nội dung của Công ty chưa có quy định trong Điều này hoặc trong trường hợp có những quy định khác với những quy định trong Điều này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và ưu tiên hơn nội dung của Công ty.

Điều 90. Ngày hiệu lực

1. Điều này gồm IX chương, 90 điều, các sửa đổi, bổ sung và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông ngày 06/4/2012 của Hội đồng Công ty Cổ phần Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội, Nghị quyết số 01-2013/NQ-HĐCĐ ngày 04/4/2013 của Hội đồng Công và Quyết định số 21-2014/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2014 của Hội đồng Quản trị và cùng chấp thu những điều khoản của Điều này.
2. Điều này có hiệu lực kể từ ngày 17/4/2014 theo Quyết định số 21-2014/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội.
3. Điều này có hiệu lực thành 15 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương;
 - b) 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND nhân dân Thành phố;
 - c) 03 bản báo cáo UBCKNN và các SGDCK/TTGDCK;
 - d) 06 bản lưu trữ tại Văn phòng Hội đồng Quản trị Công ty;
4. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

TM. CTY CP CH NG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC T CH

QUANG HI N

PH L C
CHI TI T V N I U L CÔNG TY T NGÀY THÀNH L P N NAY
VÀ T L C PH NS H UC A CÁC C ÔNG SÁNG L P
T I NGÀY THÀNH L P CÔNG TY

1) Chi ti t v n i u l c a Công ty t ngày thành l p n nay:

STT	THÁNG	V N I U L (ng)	GHI CHÚ
1	11/2007	350.000.000.000	Thành l p Công ty
2	05/2009	410.629.960.000	Phát hành c phi u th ng t ng v n i u l t qu th ng đ v n
3	04/2010	1.000.000.000.000	Phát hành c ph n t ng v n i u l cho C ông hi n h u, Cán b nhân viên và i tác tỉ m n ng

2) Thông tin v C ông sáng l p và t l s h u c ph n c a các C ông sáng l p t i ngày thành l p Công ty:

T T	TÊN	GI Y CN KKD, NGÀY C P, N I C P	A CH	C PH N S H U	TR GIÁ (ng)	T L (%)
1	Công ty C ph n T p oàn T&T	0103020950, 09/12/2008, S KH& T Hà N i	S 18 ng Hàng Chu i, Qu n Hoàn Ki m, Hà N i	5.250.000	52.500.000.000	15%
2	Ngân hàng Th ng m i C ph n Sài Gòn - Hà N i (SHB)	0103026080, 29/7/2008, S KH& T Hà N i	S 77, ng Tr n H ng o, Qu n Hoàn Ki m, Hà N i	3.500.000	35.000.000.000	10%
3	T p oàn Công nghi p Than - Khoáng s n Vi t Nam (VCM)	0106000574, 09/02/2006, S KH& T Hà N i	S 226 ng Lê Du n, Qu n ng a, Hà N i	3.500.000	35.000.000.000	10%

S T T	TÊN	GI Y CN KKD, NGÀY C P, N I C P	A CH	C PH N S H U	TR GIÁ (ng)	T L (%)
4	Công ty C ph n Phát tri n ô th và Khu Công nghi p Cao su Vi t Nam (VINARUCO)	0403000336, 18/12/2007, S KH& T H i D ng	S 165 ng B ch ng, p.Tr n Phú, TP.H i D ng, t nh H i D ng	3.500.000	35.000.000.000	10%
5	T p oàn Công nghi p Cao su Vi t Nam (VGR)	4106000341, 16/03/2007, S KH& T TP.HCM	S 236 ng Nam K Kh i Ngh a, Qu n 3, TP HCM	1.750.000	17.500.000.000	5%
6	Công ty TNHH D ch v Th ng m i Hà N i	044981, 11/04/2007 S KH& T Hà N i	S 17 ng Phù ng Thiên V ng, P. Ngô Thì Nh m, Hai Bà Tr ng, Hà N i	1.750.000	17.500.000.000	5%
7	Công ty C ph n u t Công nghi p An Sinh	0103021662, 11/01/2008 S KH& T Hà N i	S 122 Hoàng Ngân, P.Trung Hòa, Qu n C u Gi y, Hà N i	1.750.000	17.500.000.000	5%